VIỆT NAM

2018

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ RỦI RO QUỐC GIA VỀ RỬA TIỀN VÀ TÀI TRỢ KHỦNG BỐ

2012 - 2017

HÀ NỘI

MỤC LỤC

[1. Tổng quan về công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố 5](#_Toc7975553)

[1.1. Bối cảnh quốc tế 5](#_Toc7975554)

[1.2. Chủ trương phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố 6](#_Toc7975555)

[2. Đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, tài trợ khủng bố 7](#_Toc7975556)

[2.1. Cơ sở, mục đích 7](#_Toc7975557)

[2.2. Thành phần tham gia 7](#_Toc7975558)

[2.3. Phương pháp luận thực hiện NRA 8](#_Toc7975559)

[2.4. Khó khăn, vướng mắc 9](#_Toc7975560)

[2.5. Kết quả đánh giá chính 9](#_Toc7975561)

[2.5.1. Rủi ro rửa tiền 9](#_Toc7975562)

[2.5.2. Rủi ro tài trợ khủng bố 10](#_Toc7975563)

[1. Môi trường địa lý 12](#_Toc7975564)

[2. Môi trường chính trị 12](#_Toc7975565)

[3. Môi trường kinh tế 12](#_Toc7975566)

[4. Hợp tác quốc tế 13](#_Toc7975567)

[5. Môi trường pháp lý 15](#_Toc7975568)

[CHƯƠNG 1. NGUY CƠ RỬA TIỀN 17](#_Toc7975569)

[1. Nguy cơ rửa tiền đối với các tội phạm nguồn trong nước 17](#_Toc7975570)

[1.1. Tội phạm về tham nhũng (tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ và tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản) 17](#_Toc7975571)

[1.2. Tội đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc 18](#_Toc7975572)

[1.3. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy………. 19](#_Toc7975573)

[1.4. Tội trốn thuế 19](#_Toc7975574)

[1.5. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản 20](#_Toc7975575)

[1.6. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 20](#_Toc7975576)

[1.7. Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm 21](#_Toc7975577)

[1.8. Tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới 21](#_Toc7975578)

[1.9. Tội mua bán người 22](#_Toc7975579)

[1.10. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả 22](#_Toc7975580)

[1.11. Tội buôn lậu 23](#_Toc7975581)

[1.12. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm 23](#_Toc7975582)

[1.13. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả 24](#_Toc7975583)

[1.14. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép, chiếm đoạt vũ khí quân dụng và phương tiện kỹ thuật quân sự 24](#_Toc7975584)

[2. Nguy cơ rửa tiền theo lĩnh vực 24](#_Toc7975585)

[2.1. Lĩnh vực ngân hàng 25](#_Toc7975586)

[2.2. Lĩnh vực bất động sản 25](#_Toc7975587)

[2.3. Lĩnh vực chứng khoán 25](#_Toc7975588)

[2.4. Lĩnh vực bảo hiểm 26](#_Toc7975589)

[2.5. Lĩnh vực đại lý chuyển và thu đổi ngoại tệ 27](#_Toc7975590)

[2.6. Lĩnh vực casino/sòng bạc 27](#_Toc7975591)

[2.7. Lĩnh vực kế toán, kiểm toán 27](#_Toc7975592)

[2.8. Lĩnh vực luật sư, công chứng 28](#_Toc7975593)

[2.9. Lĩnh vực các tổ chức tài chính khác 28](#_Toc7975594)

[1. Chính sách và việc thực thi chính sách, chiến lược phòng, chống rửa tiền……. 29](#_Toc7975595)

[2. Đơn vị tình báo tài chính (FIU) - Cục Phòng, chống rửa tiền 29](#_Toc7975596)

[3. Điều tra, xét xử tội phạm tài chính 30](#_Toc7975597)

[4. Các thông tin và bằng chứng đáng tin cậy 31](#_Toc7975598)

[4.1. Về cơ sở hạ tầng nhận dạng đáng tin cậy 31](#_Toc7975599)

[4.2. Về nguồn thông tin độc lập 31](#_Toc7975600)

[4.3. Về thông tin của kiểm toán độc lập 32](#_Toc7975601)

[CHƯƠNG 3. MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG VỀ RỬA TIỀN TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG 33](#_Toc7975602)

[1. Mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng 33](#_Toc7975603)

[2. Mức độ tổn thương rửa tiền đối với các sản phẩm 35](#_Toc7975604)

[CHƯƠNG 4. MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG VỀ RỬA TIỀN TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN 36](#_Toc7975605)

[1. Mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực chứng khoán 36](#_Toc7975606)

[1.1. Về chính sách và quy định về phòng, chống rửa tiền 36](#_Toc7975607)

[1.2. Chất lượng vận hànhphòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực chứng khoán….. 36](#_Toc7975608)

[1.2.1. Khuôn khổ nhận dạng khách hàng 37](#_Toc7975609)

[1.2.2. Quản lý, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền 37](#_Toc7975610)

[1.2.3. Tuân thủ của nhân viên chứng khoán 38](#_Toc7975611)

[2. Tính dễ tổn thương của sản phẩm 39](#_Toc7975612)

[CHƯƠNG 5. MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG VỀ RỬA TIỀN TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM 40](#_Toc7975613)

[1. Mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm 40](#_Toc7975614)

[2. Tính dễ tổn thương của một số sản phẩm 41](#_Toc7975615)

[CHƯƠNG 6. MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG VỀ RỬA TIỀN ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH KHÁC 43](#_Toc7975616)

[1. Tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động nhận và chi trả ngoại tệ (Công ty kiều hối). ……….43](#_Toc7975617)

[2. Đại lý thu đổi ngoại tệ 44](#_Toc7975618)

[3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính tổng hợp, công ty cho thuê tài chính, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng 44](#_Toc7975619)

[4. Tổ chức tài chính vi mô, chương trình dự án tài chính vi mô 44](#_Toc7975620)

[5. Quỹ tín dụng nhân dân 45](#_Toc7975621)

[6. Quỹ đầu tư phát triển địa phương 45](#_Toc7975622)

[7. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán 45](#_Toc7975623)

[8. Hiệu cầm đồ 45](#_Toc7975624)

[1. Kinh doanh trò chơi có thưởng, casino 47](#_Toc7975625)

[2. Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản 48](#_Toc7975626)

[3. Lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý 48](#_Toc7975627)

[4. Lĩnh vực luật sư, công chứng viên và các chuyên gia pháp lý độc lập khác…… 49](#_Toc7975628)

[5. Lĩnh vực kế toán, kiểm toán 49](#_Toc7975629)

[6. Lĩnh vực tín thác và cung cấp dịch vụ công ty ở Việt Nam 50](#_Toc7975630)

[1. Phân tích nguy cơ tài trợ khủng bố 51](#_Toc7975631)

[2. Mức độ tổn thương quốc gia về tài trợ khủng bố 52](#_Toc7975632)

[1. Dịch vụ thanh toán và chuyển tiền 54](#_Toc7975633)

[1.1. Dịch vụ Ví điện tử 54](#_Toc7975634)

[1.2. Dịch vụ thanh toán/chuyển tiền qua đại lý 55](#_Toc7975635)

[1.3. Thẻ trả trước vô danh 55](#_Toc7975636)

[1.4. Tài khoản thanh toán 56](#_Toc7975637)

[2. Sản phẩm dịch vụ tín dụng vi mô 56](#_Toc7975638)

[3. Sản phẩm tiết kiệm vi mô 57](#_Toc7975639)

[4. Sản phẩm bảo hiểm vi mô 57](#_Toc7975640)

**LỜI MỞ ĐẦU**

# 1. Tổng quan về công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố

**1.1. Bối cảnh quốc tế**

Các chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hiện được thừa nhận rộng rãi nhất toàn cầu là 40 Khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF). FATF là một cơ quan liên chính phủ được thành lập vào năm 1989 bởi Bộ trưởng các quốc gia thành viên nhằm đưa ra các chuẩn mực và thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả công tác chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí và những hiểm họa có liên quan khác. Tính đến thời điểm hiện tại, hơn 190 quốc gia toàn cầu đã cam kết thực thi các Khuyến nghị của FATF thông qua mạng lưới các tổ chức khu vực kiểu FATF (FSRB) toàn cầu và các thành viên. 09 FSRBs toàn cầu[[1]](#footnote-1) có vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả các Khuyến nghị của FATF và đóng góp ý kiến cho việc dự thảo các chính sách của FATF.

Nhóm Châu Á Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG)[[2]](#footnote-2), thành viên liên kết của FATF, là mô hình FSRB tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Kể từ khi được thành lập đến nay, số lượng thành viên của APG không ngừng gia tăng và hiện có 41 thành viên và một số các quan sát viên quốc tế và khu vực. Nhiệm vụ của APG là chống rửa tiền và tài trợ khủng bố (AML/CFT) trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thông qua việc:

- Đóng góp vào sự phát triển của các chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố;

- Đánh giá các thành viên tuân thủ các chuẩn mực quốc tế thông qua chương trình đánh giá đa phương;

- Phối hợp hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho các nước thành viên nhằm tuân thủ hoàn toàn các chuẩn mực quốc tế.

Với tư cách là thành viên của APG, theo kế hoạch đánh đa phương về cơ chế chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố đối với các nước thành viên, Việt Nam sẽ trải qua đánh giá đa phương của APG vào Quý IV năm 2019.

## 1.2. Chủ trương phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố

Trong 5 năm qua, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ của Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ cho khủng bố và đã nỗ lực triển khai ngày càng có hiệu quả hơn cơ chế phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố thông qua việc ban hành và triển khai có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này.Việt Nam đã có khuôn khổ pháp lý toàn diện về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và đã được FATF thừa nhận tại Hội nghị toàn thể FATF tháng 2/2014. Bên cạnh đó, hệ thống các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong công tác phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam đã từng bước được củng cố, phát triển. Trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam là Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống rửa tiền (Ban chỉ đạo) được thành lập năm 2009 và Trưởng ban hiện là Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ, các thành viên Ban chỉ đạo là lãnh đạo của15 bộ, ngành có liên quan, NHNN là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo. Với vai trò điều phối quốc gia về phòng, chống rửa tiền, Ban chỉ đạo đã kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai công tác phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố ở Việt Nam. Từ khi thành lập đến nay, Ban chỉ đạo đã ban hành 04 Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố nhằm giải quyết, khắc phục những thiếu hụt về cơ chế phòng, chống rửa tiền của Việt Nam theo các thời kỳ.

Cùng với những nỗ lực của Chính phủ và các bộ, ngành, thời gian qua, hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền tiếp tục được đẩy mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu góp phần tích cực vào việc thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền của Việt Nam. Song song với các hoạt động phòng, chống rửa tiền trong nước, Việt Nam đã từng bước chủ động hội nhập quốc tế về lĩnh vực này, đánh dấu bằng việc Việt Nam gia nhập và trở thành thành viên thứ 34 của APG vào tháng 5/2007. Với tư cách là thành viên của APG, Việt Nam đã cam kết thực hiện các quy định tại ***“Điều khoản tham chiếu của APG”***, bao gồm: (i) Thực hiện các hành động cần thiết nhằm chống rửa tiền và tài trợ khủng bố; (ii) Thực hiện các hành động, các bước tích cực, chủ động nhằm phát triển, thông qua và thực thi luật pháp và các biện pháp khác về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố dựa trên chuẩn mực quốc tế đã được thừa nhận; (iii) Nhận thức lợi ích của việc chia sẻ thông tin và kinh nghiệm; (iv) Cam kết thực thi các quyết định của APG; (v) Cam kết tham gia vào chương trình đánh giá đa phương của APG và (vi) Đóng góp vào ngân sách của APG.

Với những kết quả nêu trên, có thể thấy những nỗ lực và quyết tâm liên tục của Quốc hội, Chính phủ Việt Nam trong việc phối hợp với APG, FATF, các quốc gia và tổ chức quốc tế trong cuộc chiến chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố, góp phần đảm bảo sự minh bạch và toàn vẹn của hệ thống tài chính thế giới.

# 2. Đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, tài trợ khủng bố

## 2.1. Cơ sở, mục đích

Ngày 25/11/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2112/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố giai đoạn 2015 – 2020 (Kế hoạch HĐQG), trong đó giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) chủ trì đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, Bộ Công an chủ trì đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ khủng bố. Hoạt động đánh giá rủi ro quốc gia (NRA) của Việt Nam được thực hiện với sự tham gia của các cơ quan chính phủ Việt Nam và khu vực tư nhân theo yêu cầu của Khuyến nghị số 1 của FATF[[3]](#footnote-3) nhằm xác định, đánh giá và hiểu về rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố của quốc gia mình.

Trên cơ sở kết quả NRA, Việt Nam sẽ xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố nhằm khắc phục và giải quyết đối với các rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố đã được xác định theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia.

Kết quả NRA sẽ được công khai một phần nhằm giúp khu vực tư nhân hiểu về rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố thuộc lĩnh vực, ngành nghề mà họ đang làm việc. Đây cũng là cơ sở để giúp các ngành, lĩnh vực đánh giá đúng các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố của ngành mình nhằm giảm thiểu rủi ro được xác định và tăng cường các biện pháp phòng ngừa cần thiết.

## 2.2. Thành phần tham gia

Quá trình NRA của Việt Nam được thực hiện từ tháng 12/2016. Thực hiện vai trò đơn vị chủ trì thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền, ngày 09/12/2016 Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 2395/QĐ-NHNN về việc thành lập Ban điều phối và Quyết định số 2396/QĐ-NHNN về việc thành lập các Nhóm làm việc NRA. Theo đó, Ban điều phối NRA do 01 Phó Thống đốc NHNN làm Trưởng ban, Phó Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng phụ trách Nguyễn Văn Hưng làm Phó Trưởng ban, cùng các thành viên là đại diện của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính.

Theo Quyết định số 2396, có 08 Nhóm làm việc gồm: Nhóm đánh giá nguy cơ, Nhóm đánh giá mức độ tổn thương quốc gia, Nhóm đánh giá lĩnh vực ngân hàng, Nhóm đánh giá lĩnh vực chứng khoán, Nhóm đánh giá lĩnh vực bảo hiểm, Nhóm đánh giá các định chế tài chính khác, Nhóm đánh giá lĩnh vực kinh doanh ngành nghề phi tài chính chỉ định, Nhóm đánh giá các sản phẩm tài chính toàn diện. Riêng Nhóm đánh giá rủi ro về tài trợ khủng bố do Bộ Công an thành lập theo Quyết định số 83/QĐ-BCA-V61 ngày 12/01/2017. Thành viên các Nhóm làm việc NRA bao gồm các cán bộ của NHNN, các bộ, ngành có liên quan gồm Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Thanh tra Chính phủ, đại diện một số tổ chức thuộc khu vực tư nhân gồm ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, các học viện và các đơn vị có liên quan khác.

## 2.3. Phương pháp luận thực hiện NRA

Với sự hỗ trợ kỹ thuật của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam sử dụng bộ công cụ đánh giá rủi ro về rửa tiền và tài trợ khủng bố do WB xây dựng để thực hiện NRA. WB không tham gia trực tiếp vào quá trình đánh giá mà chỉ cung cấp bộ công cụ đánh giá rủi ro về rửa tiền và tài trợ khủng bố do WB xây dựng, cung cấp chuyên gia, tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế, tổ chức các buổi hội thảo.

Đây là lần đầu tiên Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia. Hoạt động đánh giá rủi ro quốc gia là do Việt Nam tự tiến hành dựa vào các thông tin, số liệu, dữ liệu thu thập được trên cơ sở cơ chế phối hợp trong nước và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia. Thông tin được thu thập thông qua việc gửi công văn đề nghị cung cấp thông tin, số liệu hoặc gửi các bảng câu hỏi, thu thập các nghiên cứu, các thông tin mở (báo, tạp chí, internet). Các thông tin, số liệu này được coi là các biến đầu vào thể hiện các nhân tố liên quan đến nguy cơ và tính dễ bị độ tổn thương rửa tiền, tài trợ khủng bố. “Nguy cơ” đề cập đến các loại tội phạm nguồn trong nước, nước ngoài và nguồn tiền bất hợp pháp cũng như các kênh trong nền kinh tế có khả năng bị tội phạm lợi dụng để thực hiện hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố. “Tính dễ bị tổn thương” là điểm yếu hoặc lỗ hổng của hệ thống phòng ngừa quốc gia đối với hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Mức xếp hạng rủi ro quốc gia về rửa tiền, tài trợ khủng bố được quyết định dựa trên kết quả đánh giá nguy cơ và tính dễ tổn thương về rửa tiền, tài trợ khủng bố của quốc gia.

Các cơ quan tham gia vào việc cung cấp thông tin, số liệu bao gồm các cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan thanh tra, giám sát, các tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh ngành nghề phi tài chính chỉ định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong toàn bộ các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế giai đoạn 2012-2017.

Báo cáo đánh giá rủi ro quốc gia bao gồm 09 nội dung như sau:

- Phân tích về nguy cơ rửa tiền;

- Mức độ tổn thương quốc gia về rửa tiền;

- Mức độ tổn thương của lĩnh vực ngân hàng;

- Mức độ tổn thương của lĩnh vực chứng khoán;

- Mức độ tổn thương của lĩnh vực bảo hiểm;

- Mức độ tổn thương của các định chế tài chính khác;

- Mức độ tổn thương của lĩnh vực kinh doanh ngành nghề phi tài chính chỉ định (DNFBPs);

- Đánh giá về rủi ro tài trợ khủng bố;

- Đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố đối với các sản phẩm tài chính toàn diện.

## 2.4. Khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình triển khai NRA, NHNN đã kịp thời trình và đã nhận được sự chỉ đạo sát sao của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc cung cấp thông tin của các bộ, ngành. Tuy nhiên, do đây là lần đầu tiên Việt Nam thực hiện NRA nên còn thiếu kinh nghiệm trong việc triển khai và gặp phải những khó khăn, vướng mắc nhất định, cụ thể như sau:

- Những khó khăn, vướng mắc liên quan đến vấn đề thông tin, số liệu gồm: (i) Thông tin, số liệu khó hoặc không thể thu thập được do tình hình quản lý ở Việt Nam; (ii) một số đơn vị, bộ, ngành thống kê số liệu theo các tiêu chí hoặc phương thức khác với các tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia; (iii) quá trình đánh giá mất rất nhiều thời gian cho việc thu thập thông tin, số liệu cần thiết.

- Thiếu các số liệu liên quan đến những vi phạm hình sự của các tổ chức tài chính khác vì việc lưu trữ thông tin chủ yếu tập trung vào kết quả điều tra các vụ án thay vì phân chia vi phạm theo lĩnh vực.

- Do tính chất công việc chuyên môn hoặc thay đổi vị trí công tác nên dẫn đến việc thay đổi các thành viên tham gia vào NRA.

## 2.5. Kết quả đánh giá chính

### 2.5.1. Rủi ro rửa tiền

Sau khi xem xét xu hướng và kỹ thuật rửa tiền, tiền và tài sản do phạm tội tạo ra và nguy cơ các lĩnh vực trong nền kinh tế bị lạm dụng vào rửa tiền, đã đưa ra kết luận nguy cơ rửa tiền mức TRUNG BÌNH.

Sau khi xem xét mức độ dễ tổn thương quốc gia và mức độ dễ tổn thương về rửa tiền của các ngành, lĩnh vực đã đưa ra kết luận mức độ dễ tổn thương về rửa tiền là TRUNG BÌNH CAO.

Căn cứ vào biểu đồ đánh giá rủi ro quốc gia, trên cơ sở đó đã đưa ra kết luận rủi ro rửa tiền quốc gia là TRUNG BÌNH CAO.

Kết quả cụ thể mức xếp hạng rủi ro về rửa tiền đối với các lĩnh vực trong nền kinh tế như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực** | **Nguy cơ rửa tiền** | **Mức độ tổn thương về rửa tiền** | **Mức độ rủi ro rửa tiền** |
| 1 | Ngân hàng | Cao | Trung bình cao | Cao |
| 2 | Bảo hiểm | Trung bình thấp | Thấp | Trung bình thấp |
| 3 | Chứng khoán | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
| 4 | Bất động sản | Cao | Trung bình | Trung bình cao |
| 5 | Kế toán và kiểm toán | Thấp | Thấp | Thấp |
| 6 | Kim loại quý, đá quý | Thấp | Trung bình | Trung bình thấp |
| 7 | Casino | Trung bình | Trung bình | Trung bình |
| 8 | Tín thác và cung cấp dịch vụ công ty | Thấp | Trung bình thấp | Trung bình thấp |
| 9 | Luật sư, công chứng và các chuyên gia pháp lý độc lập khác | Thấp | Thấp | Thấp |
| 10 | Quỹ tín dụng nhân dân | Thấp | Thấp | Thấp |
| 11 | Hiệu cầm đồ | Thấp | Trung bình | Trung bình thấp |
| 12 | Tổ chức tài chính vi mô | Thấp | Thấp | Thấp |
| 13 | Công ty kinh doanh kiều hối | Trung bình cao | Trung bình | Trung bình cao |
| 14 | Quỹ đầu tư phát triển địa phương | Thấp | Trung bình cao | Trung bình thấp |
| 15 | Hệ thống chuyển tiền ngầm | Cao | Cao | Cao |

### 2.5.2. Rủi ro tài trợ khủng bố

Sau khi tiến hành đánh giá nguy cơ và mức độ tổn thương về tài trợ khủng bố, Nhóm 8 (do Bộ Công an thành lập theo Quyết định số 83/QĐ-BCA-V61 ngày 12/01/2017) đã đưa ra kết luận như sau:

Nguy cơ về tài trợ khủng bố của Việt Nam được đánh giá ở mức THẤP và mức độ tổn thương về tài trợ khủng bố của Việt Nam được đánh giá ở mức THẤP. Từ đó, đưa ra kết luận rủi ro tài trợ khủng bố của Việt Nam là THẤP.

**2.6. Các bước tiếp theo**

Căn cứ vào các biện pháp đề xuất trong dự thảo Báo cáo NRA lần 3, Việt Nam sẽ ban hành Kế hoạch hành động NRA giai đoạn 2018 – 2020. Kế hoạch hành động NRA nhằm giải quyết những rủi ro xác định trong Báo cáo đánh giá lần này là những hành động cần thực hiện trong giai đoạn ngắn và trung hạn (2018-2020) nhằm tăng cường cơ chế chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và chuẩn bị cho đánh giá đa phương của APG vào tháng 10/2019. Đối với những hành động có tính chất dài hạn (5 năm) liên quan đến sửa đổi, bổ sung khuôn khổ pháp luật vẫn được đưa vào Kế hoạch hành động NRA giai đoạn 2018-2020 với nội dung nghiên cứu, rà soát. Dự kiến sau khi báo cáo đánh giá của APG về cơ chế phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố của Việt Nam được thông qua vào tháng 7/2020, NHNN với vai trò là cơ quan đầu mối của Việt Nam trong APG sẽ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động dài hạn (giai đoạn 2021-2026), bao gồm: (i) Những hành động dài hạn theo kết quả NRA của Việt Nam; và (ii) hành động mà APG khuyến nghị trong đánh giá đa phương năm 2019 nhằm giải quyết những thiếu hụt trong cơ chế phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố của Việt Nam.

Các hành động chính được đưa vào Kế hoạch hành động NRA 2018- 2020 bao gồm các biện pháp liên quan đến khuôn khổ pháp luật, các biện pháp liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền (ví dụ: các cơ quan điều tra, thực thi pháp luật và giám sát) và các biện pháp tổ chức khác; hợp tác trong nước, các sản phẩm tài chính toàn diện và hợp tác quốc tế.

Từ kết quả phân tích, đánh giá các vấn đề, rủi ro và thách thức về rửa tiền, tài trợ khủng bố được nêu trong báo cáo, có thể thấy những rủi ro được xác định cần được giải quyết ở cấp quốc gia nhằm giảm thiểu tính dễ tổn thương của ngành và tăng cường năng lực quốc gia về chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố.

**MÔI TRƯỜNG ĐỊA LÝ, CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, PHÁP LÝ**

## 1. Môi trường địa lý

Việt Nam là [quốc gia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_gia) nằm ở [phía đông](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0%E1%BB%9Bng_%C4%90%C3%B4ng) [bán đảo Đông Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1n_%C4%91%E1%BA%A3o_%C4%90%C3%B4ng_D%C6%B0%C6%A1ng) thuộc khu vực [Đông Nam Á](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_Nam_%C3%81) với diện tích 331.698 km² và dân số ước tính khoảng 92 triệu người, gồm 3 miền Bắc, Trung và Nam.

Đường biên giới đất liên dài 4.550km, phía bắc Việt Nam giáp [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c), phía tây giáp [Lào](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o) và [Campuchia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Campuchia), phía tây nam giáp [vịnh Thái Lan](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BB%8Bnh_Th%C3%A1i_Lan), phía đông và phía nam giáp [biển Đông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Bi%E1%BB%83n_%C4%90%C3%B4ng) và có hơn 4.000 [hòn đảo](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3o) lớn, nhỏ, trên biển Đông có [quần đảo Trường Sa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A7n_%C4%91%E1%BA%A3o_Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_Sa) và [Hoàng Sa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A7n_%C4%91%E1%BA%A3o_Ho%C3%A0ng_Sa). Địa hình Việt Nam rất đa dạng theocác vùng tự nhiên gồm rừng núi ([độ che phủ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BB%99_che_ph%E1%BB%A7&action=edit&redlink=1) khoảng 75%) nên có thể bị bọn tội phạm lợi dụng làm nơi lẩn trốn, cư trú và hoạt động. Các cửa khẩu, đường tiểu ngạch, lối mòn với các nước láng giềng là điều kiện để các đối tượng phạm tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới. Bên cạnh đó, Việt Nam nằm gần khu vực tam giác vàng là trung tâm sản xuất ma túy lớn của khu vực và thế giới.

10 cảng biển lớn nhất Việt Nam nằm rải rác khắp khu vực Bắc, Trung, Nam tạo ra cửa ngõ thông thương giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. Hiện, Việt Nam có 4 hãng hàng không lớn trong nước và gần 30 hãng hàng không quốc tế đang hoạt động, với gần 150 máy bay và kết nối đến hơn 1.000 điểm đến trên toàn thế giới. Với vị trí địa lý thuận lợi, Việt Nam có điều kiện thực hiện vận tải giao thương quốc tế bao gồm hàng hóa, tiền tệ chuyển ra, vào và qua Việt Nam bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ.

## 2. Môi trường chính trị

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và chỉ có một [đảng chính trị](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3ng_ph%C3%A1i_ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B) duy nhất lãnh đạo là [Đảng Cộng sản Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam).

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

[Chính phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_ph%E1%BB%A7_Vi%E1%BB%87t_Nam) là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất. Chính phủ chịu sự giám sát và thực hiện chế độ báo cáo công tác trước Quốc hội, [Ủy ban Thường vụ Quốc hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%A6y_ban_Th%C6%B0%E1%BB%9Dng_v%E1%BB%A5_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i) và Chủ tịch nước.

## 3. Môi trường kinh tế

Từ năm 1986, Việt Nam bắt đầu thực hiện đường lối đổi mới kinh tế, theo đó đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, mang tính cạnh tranh và năng động với tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục từ năm 2012 đến năm 2015. Tốc độ tăng trưởng kinh tế được cải thiện, trong đó tốc độ tăng trưởng GDP tăng từ mức 5,25% năm 2012 lên 5,43% năm 2013, 5,98% năm 2014, 6,68% năm 2015. Năm 2016, tốc độ tăng trưởng kinh tế có sự giảm sút so với năm 2015, chỉ đạt mức 6,21%; tuy nhiên lạm phát có xu hướng giảm và được kiểm soát, cán cân thương mại cải thiện, tỷ giá ổn định. Năm 2017, tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt mức ấn tượng với sự khởi sắc đồng đều của các ngành, các khu vực kinh tế, tăng trưởng GDP đạt 6,81% là mức cao nhất trong vòng 10 năm qua. Lạm phát bình quân tăng 3,53% so với cùng kỳ, đạt mục tiêu dưới 4%.

**Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP từ năm 2012-2015**

*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Thu nhập bình quân đầu người khoảng 2.109 USD, lạm phát cơ bản được kiềm chế, thị trường tài chính - tiền tệ ổn định, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tăng nhanh qua các năm.

## 4. Hợp tác quốc tế

Với chủ trương chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, quan hệ kinh tế song phương, khu vực và toàn cầu của Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế ngày càng được mở rộng. Việt Nam hiện là thành viên của Liên hiệp quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác Á–Âu (ASEM), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng Phát triển châu Á và nhiều tổ chức quốc tế, khu vực khác. Hợp tác kinh tế của Việt Nam với các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ… ngày càng được củng cố và mở rộng. Việt Nam cũng đã phê chuẩn nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, với các đối tác trong khu vực và trên thế giới. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 185 nước, thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với 224 thị trường tại tất cả các châu lục.

Trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền, Việt Nam gia nhập và trở thành thành viên thứ 34 của Nhóm Châu Á – Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) vào tháng 5/2007. Với tư cách thành viên của APG, Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ các khuyến nghịcủaFATF và thực hiện các nghĩa vụ thành viên của APG. Năm 2008, Việt Nam đã trải qua vòng đánh giá đa phương về cơ chế chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo 40+9 Khuyến nghị của FATF. Việt Nam hiện đang là quan sát viên của Nhóm Các đơn vị tình báo tài chính Egmont và đang thực hiện các thủ tục xin gia nhập Nhóm này.

Công tác trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố với các Đơn vị tình báo tài chính (FIU) hoặc cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài cũng được đẩy mạnh, theo đó NHNN đã ký 9 Bản ghi nhớ (MOU) trao đổi thông tinliên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố với các quốc gia và đang trong quá trình đàm phán để ký kết MOU với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó, NHNN và các cơ quan chức năng cũng đẩy mạnh một số hoạt động hợp tác khác như: phê chuẩn, tham gia và thực hiện các công ước, nghị định thư quốc tế có các nội dung liên quan đến phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố; ký kết, tham gia các thỏa thuận, điều ước quốc tế song phương về phòng, chống tội phạm nói chung (tội phạm nguồn của tội rửa tiền) và phòng, chống tội phạm rửa tiền và tài trợ khủng bố nói riêng; tích cực chủ động nghiên cứu quy trình gia nhập các tổ chức quốc tế, kênh chia sẻ thông tin phi chính thức về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và tội phạm khác; hợp tác trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trong việc dẫn độ, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền và các tội tiền thân của tội rửa tiền, tội khủng bố và tài trợ khủng bố; tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố từ các tổ chức, đối tác quốc tế.

Việt Nam là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế và của Liên hợp quốc, Việt Nam đã ký kết và gia nhập nhiều điều ước quốc tế và khu vực về chống tội phạm nói chung và chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố nói riêng. Cụ thể, Việt Nam đã ký và gia nhập các Công ước của Liên Hợp quốc về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố bao gồm Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 (Công ước Pa-lec-mô); Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988 (Công ước Vienna), Công ước về trừng trị tài trợ khủng bố năm 1999, Công ước chống tham nhũng năm 2005 (Công ước Merida), Công ước ASEAN về chống khủng bố năm 2007, Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2000. Việt Nam cũng đã phê chuẩn cả 9 Công ước quốc tế đính kèm Công ước quốc tế về trừng trị tài trợ cho khủng bố 1999.

Ngoài ra, Việt Nam đang là quan sát viên tại Ủy ban Phòng chống tội phạm và Tư pháp hình sự của Liên hợp quốc (CCPCJ) trực thuộc Hội đồng Kinh tế Xã hội của Liên hợp quốc. Hàng năm, Việt Nam đều cử đoàn tham dự Khóa họp của Ủy ban tại Viên, Cộng hòa Áo thông qua diễn đàn này khái quát thành tự của Việt Nam trong công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm khủng bố; thực thi các Công ước Liên Hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Công ước Liên Hợp quốc chống tham nhũng (UNCAC); thể hiện quan điểm của Việt Nam về các vấn đề cộng đồng quốc tế cũng như Việt Nam quan tâm; đồng thời trao đổi, học hỏi kinh nghiệm nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng chống tội phạm và tư pháp hình sự.

Là thành viên của APEC, Việt Nam đã tham gia tích cực vào các hoạt động về phòng, chống tội phạm, phòng, chống khủng bố của APEC như Nhóm công tác về phòng chống khủng bố (CTWG), Nhóm công tác về chống tham nhũng và minh bạch hóa (ACTWG) trong đó chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố là một nội dung quan trọng. Hiện nay, có 06 sáng kiến về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố đã được triển khai trong APEC.

## 5. Môi trường pháp lý

Việt Nam có hệ thống pháp luật đầy đủ và toàn diện nhằm trừng trị nghiêm khắc tội phạm hình sự nhằm bảo vệ nền kinh tế, bao gồm hệ thống tài chính quốc gia bị tội phạm lạm dụng vào việc thực hiện các hoạt động bất hợp pháp.

Theo hệ thống pháp luật của Việt Nam, Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất (Điều 119 Hiến pháp 2013). Quốc Hội là cơ quan có thẩm quyền ban hành Hiến pháp, Bộ luật, Luật và Nghị quyết, Ủy ban thường vụ Quốc hội có thẩm quyền ban hành Pháp lệnh, Nghị quyết, Chính phủ có thẩm quyền ban hành các quy định dưới hình thức Nghị định.

Các bộ luật, luật chính đã được thông qua gồm: Bộ luật Dân sự 2015; Bộ luật Hình sự 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015....

Liên quan đến khuôn khổ pháp luật về phòng, chống rửa tiền, Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2010 đã sửa đổi, bổ sung Điều 251 thành “Tội rửa tiền” thay cho Điều 251 cũ quy định về tội “Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có”.

Bộ luật Hình sự năm 2015 và Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2017 (được ban hành ngày 30/6/2017 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) tiếp tục có những sửa đổi, bổ sung đối với Điều 250 và 251 của Bộ luật Hình sự năm 2009 theo hướng phù hợp hơn với các chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền. Cụ thể, Điều 323 về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và Điều 324 về tội “Rửa tiền” đã quy định cụ thể về định lượng hậu quả của hành vi phạm tội và quy định cụ thể về hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội. Đối với điều 324 quy định thêm về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại khi phạm tội rửa tiền. Bên cạnh đó, Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 và Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng đã bổ sung thêm các tội danh liên quan đến tài trợ khủng bố, mở rộng và bổ sung các tội phạm nguồn của tội rửa tiền.

Luật phòng, chống rửa tiền được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2012, có hiệu lực từ ngày 01/01/2013 và là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất về phòng, chống rửa tiền, quy định về các biện pháp phòng, chống rửa tiền, hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền, đáp ứng yêu cầu của các chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền, phù hợp với cam kết của Việt Nam đối với quốc tế trong quá trình hội nhập.

Ngày 12/6/2013, Luật phòng, chống khủng bố đã được Quốc hội thông qua, trong đó có nhiều điều khoản quy định về chống tài trợ khủng bố. Căn cứ quy định tại Luật phòng, chống khủng bố, Bộ Công an đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố nêu trên là cơ sở để FATF thừa nhận Việt Nam đã có khuôn khổ pháp lý đáp ứng toàn diện các chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và đưa Việt Nam ra khỏi quy trình rà soát của FATF vào tháng 2/2014.

**PHẦN I. ĐÁNH GIÁ RỦI RO QUỐC GIA VỀ RỬA TIỀN**

# CHƯƠNG 1. NGUY CƠ RỬA TIỀN

Căn cứ kết quả đánh giá các tội phạm nguồn chính của tội rửa tiền, xu hướng và kỹ thuật rửa tiền cùng nguy cơ của các lĩnh vực, ngành nghề, nguy cơ rửa tiền ở Việt Nam được đánh giá ở mức TRUNG BÌNH.

# 1. Nguy cơ rửa tiền đối với các tội phạm nguồn[[4]](#footnote-4) trong nước

Trong báo cáo đánh giá rủi ro quốc gia của Việt Nam lần này, các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã đưa ra danh sách 17 loại tội phạm nguồn chính của tội rửa tiền vào đánh giá. Trên cơ sở đánh giá quy mô, tính chất và số liệu điều tra, truy tố, xét xử cũng như nguồn tiền tội phạm có được khi thực hiện các loại tội này giai đoạn 2012-2017 để đánh giá nguy cơ rửa tiền ở Việt Nam.

## 1.1. Tội phạm về tham nhũng (tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ và tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản)

Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, hành vi tham nhũng bao gồm “Tham ô tài sản”, “Nhận hối lộ” và “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

**Tội tham ô tài sản**:

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã tiến hành điều tra, khởi tố 01 vụ án về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội tham ô.

Trong nhóm tội phạm về tham nhũng, so với tội hối lộ và tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản số vụ án bị truy tố, xét xử về tội tham ô tài sản cao hơn (cụ thể, năm 2016 xét xử 80 vụ với 161 bị cáo, năm 2017 xét xử 18 vụ với 41 bị cáo).

Qua các vụ án tham ô tài sản được xét xử có thể thấy, các khoản tiền bị chiếm đoạt là rất lớn, có những vụ án số tiền này lên đến hàng trăm tỷ đồng. Các khoản tiền bị chiếm đoạt này được sử dụng cho mục đích chi tiêu cá nhân, mua sắm bất động sản, tài sản có giá trị hoặc được “rửa tiền”.

Trên cơ sở phân tích những nội dung nêu trên, có thể kết luận nguy cơ rửa tiền đối với loại tội phạm này là CAO.

**Tội nhận hối lộ:**

So với các loại tội phạm nguồn khác của tội rửa tiền, số liệu truy tố, xét xử đối với loại tội phạm này tương đối thấp (năm 2016 xét xử 15 vụ với 53 bị cáo, năm 2017 là 83 vụ với 151 bị cáo).Thực tế, hành vi nhận hối lộ thường khó phát hiện nhưng những năm gần đây những vụ án nhận hối lộ thường có giá trị lớn dẫn đến nguy cơ rửa tiền đối với tội phạm này ngày càng tăng cao. Số tiền phải thi hành án đối với tội hối lộ năm 2017 tăng gấp 3 lần so với năm 2016.

Kết luận nguy cơ tiềm ẩn về rửa tiền đối với loại tội phạm này là TRUNG BÌNH CAO.

**Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản**: Trong cơ cấu án về các tội phạm tham nhũng, số vụ án và bị cáo bị xét xử hàng năm đối với tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản là thấp hơn so với tội tham ô tài sản và cao hơn so với tội hối lộ (số liệu xét xử đối với loại tội phạm này vào năm 2016 và 2017 lần lượt là 26 vụ với 42 bị cáo và 34 vụ với 48 bị cáo), số tiền phải thi hành án đối với loại tội phạm này chiếm tỉ lệ nhỏ trong cơ cấu án về các tội phạm tham nhũng (số tiền phải thi hành án năm 2016 là 18,1 tỷ đồng tương đương 0,82 triệu USD) vào năm 2016 nhưng tăng đột biến vào năm 2017 lên 64,4 tỷ đồng tương đương 2,93 tỷ USD). Tội phạm lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản thuộc nhóm tội tham nhũng nên cần đặc biệt quan tâm theo dõi trong quá trình điều tra về tội rửa tiền. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này cho đến nay cho thấy tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản thuộc nhóm nguy cơ cao liên quan đến rửa tiền. Cụ thể, thời gian qua, có nhiều vụ đại án xảy ra có nguồn gốc từ việc lạm dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ vào việc phân tích các nội dung nêu trên, có thể kết luận nguy cơ rửa tiền đối với loại tội phạm này là TRUNG BÌNH CAO.

## 1.2. Tội đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc

So với các loại tội phạm nguồn của tội rửa tiền, số lượng các vụ án và bị cáo bị xét xử về tội đánh bạc là rất lớn.

Số lượng các vụ án và bị cáo bị xét xử về tội tổ chức đánh bạc tuy có thấp hơn tội đánh bạc (năm 2017 xét xử là 3.665 vụ đánh bạc với 20.162 bị cáo và 494 vụ tổ chức đánh bạc với 1771 bị cáo), con số này vẫn là đáng kể so với các loại tội phạm nguồn khác của tội rửa tiền.

Mặc dù số tiền thu được từ hoạt động đánh bạc, tổ chức đánh bạc tính trung bình trên đối tượng phạm tội là không cao và tội phạm có xu hướng sử dụng các khoản tiền thu được vào mục đích tiêu dùng cá nhân, song trong các vụ án lớn về tổ chức đánh bạc số tiền niêm phong, phong tỏa, tịch thu và thu hồi là rất lớn nên không loại trừ việc các đối tượng phạm tội có xu hướng sử dụng các khoản tiền thu được từ loại tội phạm này vào mục đích đầu tư, rửa tiền.

Theo số liệu thống kê của Cục Phòng, chống rửa tiền, Cục Phòng, chống rửa tiền đã chuyển sang cơ quan công an để điều tra 02 vụ việc (năm 2014 và 2015) nghi ngờ liên quan đến tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Liên quan đến vụ đường dây đánh bạc qua mạng trị giá hàng nghìn tỷ đồng hiện đang trong quá trình điều tra của Bộ Công an, Cục Phòng, chống rửa tiền đã phối hợp kịp thời với cơ quan chức năng, cung cấp các thông tin tình báo tài chính theo yêu cầu của cơ quan công an, phục vụ công tác điều tra tội phạm nguồn của tội rửa tiền và tội rửa tiền.

Căn cứ vào những nội dung trên, có thể kết luận:

- Nguy cơ tiềm ẩn về rửa tiền có nguồn gốc từ tội đánh bạc là TRUNG BÌNH CAO.

- Nguy cơ tiềm ẩn về rửa tiền có nguồn gốc từ tộitổ chức đánh bạc là CAO.

## 1.3. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Căn cứ vào các số liệu liên quan đến việc điều tra, khởi tố, truy tố và xét xử thì tội phạm về ma túy chiếm tỷ lệ án cao nhất trong 17 loại tội phạm nguồn có nguy cơ tạo ra tội rửa tiền (với hơn 11 nghìn vụ án và hơn 15 nghìn bị cáo bị xét xử hàng năm) với số tiền phải thi hành án là 298,6 tỷ đồng (khoảng 13,57 triệu USD) vào năm 2017. Mặc dù số tiền trung bình cần thu hồi trong 1 vụ án và trên 1 bị cáo về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là thấp (khoảng 2 triệu đồng tương đương 100 USD), song trong các vụ án liên quan đến đường dây buôn lậu ma túy cho thấy lợi nhuận từ hoạt động buôn bán ma túy là rất lớn nên không loại trừ các khoản tiền buôn bán ma túy được các đường dây tội phạm này đưa vào rửa tiền.

Trên cơ sở phân tích những yếu tố nêu trên, nguy cơ rửa tiền do tội phạm ma túy tạo ra là CAO.

## 1.4. Tội trốn thuế

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội trốn thuế.

So với các loại tội phạm khác, số vụ và số bị cáo bị kết án về tội trốn thuế tương đối thấp (năm 2011 số vụ bị xét xử là 16 vụ liên quan đến 27 bị cáo và năm 2016 là 33 vụ với 48 bị cáo) nhưng số tiền phải thi hành án là tương đối cao (trong năm 2016 lên đến 84 tỷ đồng tương đương 8,36 triệu USD, năm 2017 là 199,9 tỷ đồng tương đương 9,09 triệuUSD). Đây là các vụ việc có tính chất phức tạp, nghiêm trọng đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Từ kết quả phân tích các báo cáo chuyển tiền lòng vòng qua nhiều tài khoản ở ngân hàng với cùng một số tiền, có dấu hiệu tạo chứng từ qua ngân hàng nhằm trốn thuế, gian lận tiền hoàn thuế, Cục Phòng, chống rửa tiền đã chuyển giao thông tin cho các cơ quan Thuế để tiến hành thanh tra, kiểm tra làm rõ. Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính, thu hồi cho ngân sách nhà nước hàng trăm tỷ đồng.

Mặc dù cho đến nay, Việt Nam chưa phát hiện vụ rửa tiền nào liên quan đến tội phạm trốn thuế. Tuy nhiên, tội phạm trốn thuế vẫn đang diễn ra hết sức phức tạp, với những thủ đoạn tinh vi hơn, điều này gây ra không ít khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong phát hiện và xử lý. Số tiền thất thoát do tội phạm trốn thuế gây ra cho ngân sách nhà nước là rất lớn, do đó, nguy cơ tội phạm trốn thuế rửa các khoản tiền có được do hoạt động phạm tội mà có là TRUNG BÌNH CAO.

## 1.5. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tính riêng trong năm 2016 với 2.143 vụ án được xét xử thì số tiền phải thi hành án lên đến 5.849 tỷ đồng (265,86 triệu USD), tuy nhiên mới thu hồi được 1.157 tỷ đồng (52,59 triệu USD). Điều này cho thấy mặc dù số tiền cần thu hồi trong các vụ án về lừa đảo chiếm đoạt tài sản khá lớn xong tỷ lệ thu hồi thực tế chỉ chiếm khoảng 20%.

Căn cứ vào những vụ án lớn được xét xử về loại tội phạm này cho thấy thời gian gần đây loại tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thường xảy ra trong lĩnh vực ngân hàng, bất động sản; đối tượng phạm tội chủ yếu là những người có vị trí xã hội nhất định và một khi xảy ra, giá trị các khoản tiền phạm tội thường lớn. Tiền, tài sản có được từ loại tội phạm này thường được các bị cáo sử dụng đầu tư vào các dự án vì vậy tiềm ẩn nguy cơ rửa tiền đáng kể.

Theo số liệu thống kê điều tra tài chính, từ 2011 - 2016, Cục Phòng, chống rửa tiền đã chuyển giao 43 vụ việc có nghi ngờ liên quan đến lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đơn vị công an phản hồi kết quả xử lý 16 vụ việc). Trong đó có một số vụ việc đã được cơ quan công an xác minh, điều tra và khởi tố với tội danh lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Mặc dù chưa có vụ khởi tố nào về tội rửa tiền (có nguồn gốc lừa đảo chiếm đoạt tài sản) nhưng giá trị tài sản bị chiếm đoạt ngày càng lớn dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn về rửa tiền có nguồn gốc từ tội phạm lừa đảo chiếm đạo tài sản là TRUNG BÌNH CAO.

## 1.6. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Số liệu thống kê về khởi tố, truy tố và xét xử về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cho thấy hàng năm số lượng vụ án lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được các cơ quan có thẩm quyền đưa ra xét xử là rất nhiều (trung bình hơn 1.000 vụ/năm với số bị cáo bị kết tội là hơn 1.200 bị cáo).

Năm 2016 với 1.073 vụ án được xét xử thì số tiền phải thi hành án lên đến 12.497 tỷ đồng (568,05 triệu USD), tuy nhiên số tiền thu hồi mới đạt 45,5 tỷ đồng (2,07 triệu USD). Trong năm 2017, loại tội phạm này có dấu hiệu hạ nhiệt với 958 vụ án bị xét xử thì số tiền phải thi hành án là 204 tỷ đồng (9,3 triệu USD) và số tiền thu hồi đạt 18,8 tỷ đồng (0,85 triệu USD). Điều này cho thấy mặc dù số tiền cần thu hồi trong các vụ án về lừa đảo chiếm đoạt tài sản khá lớn xong tỷ lệ thu hồi thực tế chưa đến 10%. Thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140) cho thấy nhiều vụ án thường được thực hiện bởi các cá nhân và tội phạm có xu hướng sử dụng các khoản tiền chiếm đoạt được cho mục đích chi tiêu cá nhân thay vì chuyển sang cho người khác.

Trong các vụ việc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với giá trị lớn, nguy cơ rửa tiền vẫn tiềm ẩn, do đó, nguy cơ rửa tiền đối với nhóm tội này được đánh giá là TRUNG BÌNH CAO.

## 1.7. Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm. Thống kê từ các lực lượng chức năng cho thấy từ năm 2003 đến nay Việt Nam đã bắt giữ hàng chục vụ nhập khẩu, quá cảnh trái phép ngà voi có nguồn gốc Châu Phi. Chỉ tính riêng từ đầu năm 2015 đến nay lực lượng Hải quan Việt Nam đã bắt giữ trên 6 tấn ngà voi, 4 tấn vẩy tê tê và hàng trăm kg sừng tê giác được vận chuyển trái phép từ Châu Phi, hàng chục vụ buôn bán trái phép hổ, báo và các loài động vật hoang dã khác. Thực tiễn điều tra đối với loại tội phạm này cho thấy đây là loại tội phạm có tổ chức và so với các loại tội phạm nguồn khác của tội rửa tiền, mặc dù số lượng các vụ án vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm được xét xử không nhiều (năm 2016 là 86 vụ với 124 bị cáo và năm 2017 là 92 vụ với 136 bị cáo), song giá trị tài sản niêm phong, phong tỏa, tịch thu trong các vụ án có giá trị lớn.

Với lợi nhuận được đánh giá ngang bằng với buôn lậu vũ khí, ma tuý và buôn bán người, vấn nạn buôn bán động vật hoang dã đang diễn biến ngày càng phức tạp.

Nguy cơ tiềm ẩn về rửa tiền có nguồn gốc từ tội phạm này là TRUNG BÌNH CAO.

## 1.8. Tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới.

Số liệu các vụ án xét xử về tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới không nhiều (năm 2016 là 74 vụ với 175 bị cáo, năm 2017 là 51 vụ với 86 bị cáo) với số tiền phải thu hồi ở mức trung bình (83 tỷ đồng (khoảng 3,8 triệu USD) năm 2016 và 11,5 tỷ đồng (khoảng 0,5 triệu USD) năm 2017). Các khoản thu được từ tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới được tội phạm sử dụng vào việc tiêu dùng cá nhân, không loại trừ được sử dụng để hối lộ các cơ quan chức năng nhằm thực hiện vận chuyển trái phép hàng hóa tiền tệ qua biên giới.

Trên cơ sở phân tích những nội dung nêu trên, có thể thấy nguy cơ rửa tiền đối với loại tội phạm này là mức TRUNG BÌNH.

## 1.9. Tội mua bán người

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội mua bán người.

Số lượng các vụ án khởi tố, truy tố và xét xử liên quan đến tội mua bán người có xu hướng giảm trong các năm gần đây (năm 2016 xét xử 108 vụ với 188 bị cáo; năm 2017 xét xử 92 vụ với 162 bị cáo). Tuy nhiên, dù số lượng các vụ mua bán người đã được phát hiện trongnăm 2016 giảm 6% với năm 2015 song số lượng nạn nhân lại tăng 12,8%.

Nguy cơ tội phạm tẩy rửa các khoản lợi nhuận từ hoạt động mua bán người vẫn tồn tại. Tuy nhiên, các đường dây mua bán người là các đường dây tội phạm xuyên quốc gia trong đó Việt Nam là quốc gia cung cấp nguồn hàng với các đối tượng phạm tội là chân rết trong đường dây nên lợi nhuận của các đối tượng này có được thường không cao và thường phục vụ cho mục đích chi tiêu cá nhân. Do đó, nguy cơ rửa tiền đối với nhóm tội này được đánh giá là TRUNG BÌNH.

## 1.10. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

Hiện nay, Việt Nam chưa có thống kê số liệu tiền giả đã được đưa vào cũng như tiêu thụ trong nội địa. Tuy nhiên, theo số liệu tạm tính của Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an trong giai đoạn 2010-2016, số tiền giả bị thu giữ (chủ yếu là tiền Việt Nam đồng có mệnh giá 200.000, 500.000, tiền nhân dân tệ (NDT) và tiền Đô la Mỹ (USD) là trên 27 tỷ đồng), có thể thấy số tiền giả được đưa vào Việt Nam khá lớn.

Qua điều tra về loại tội phạm này, có thể thấy số tiền giả được đưa vào Việt Nam có thể rất nhiều nhưng để đổi sang được tiền thật, các đối tượng chủ yếu thông qua việc mua các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ, chi tiêu cá nhân… nên nếu trót lọt, số lượng tiền tiền thật thu về thấp, nhỏ lẻ, khó có thể thông qua các hoạt động kinh doanh cần nguồn vốn lớn để rửa tiền.

Căn cứ vào số lượng các vụ việc được điều tra và xét xử về loại tội phạm này (năm 2016 là 67 vụ với 133 bị cáo, năm 2017 là 71 vụ với 126 bị cáo), số đối tượng phạm tội có liên quan, giá trị tài sản thi hành án thấp (năm 2016 là 3,2 tỷ đồng tương đương 145.000 USD, năm 2017 là 2,7 tỷ đồng tương đương 122.727 USD), có thể kết luận nguy cơ tiềm ẩn về rửa tiền có nguồn gốc từ tội phạm tiền giả TRUNG BÌNH THẤP.

## 1.11. Tội buôn lậu

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội phạm buôn lậu.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, chỉ xử lý trách nhiệm hình sự đối với các vụ buôn lậu từ 100 triệu đồng trở lên, do đó mặc dù số lượng các vụ việc buôn lậu được các cơ quan chức năng phát hiện và xử lý hàng năm lớn nhưng số lượng các vụ việc bị xử lý hình sự không nhiều (năm 2016 là 105 vụ với 204 bị cáo, năm 2017 là 88 vụ với 136 bị cáo). Tổng số tiền phải thi hành án đối với tội buôn lậu năm 2016 là 20 tỷ đồng (khoảng 0,9 triệu USD). Đặc biệt đối với năm 2017, số tiền phải thi án là 849 tỷ đồng (khoảng 38,59 triệu USD).

Theo số liệu thống kê của Cục Phòng, chống rửa tiền, từ năm 2010 đến năm 2016, Cục Phòng, chống rửa tiền chưa chuyển vụ việc nghi ngờ nào liên quan đến rửa tiền bắt nguồn từ tội buôn lậu sang cơ quan công an để điều tra.

Do đó, nguy cơ rửa tiền đối với các khoản tiền từ hoạt động buôn lậu được đánh giá là TRUNG BÌNH.

## 1.12. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm

Số liệu vụ bị khởi tố và bị kết án tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm khá cao (năm 2016 là 315 vụ với 419 bị cáo, năm 2017 là 118 vụ với 179 bị cáo) song giá trị tài sản cần thu hồi thấp (3,9 tỷ đồng tương đương 18 triệu USD năm 2016và 5,2 tỷ đồng tương đương 0,24 triệu USD). Giá trị tài sản thu được từ hoạt động phạm tội thường ở mức thấp.

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội phạm sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm. Lý do là bởi tội phạm loại này có xu hướng sử dụng tiền thu được từ hoạt động phạm tội vào mục đích tiêu dùng cá nhân thay vì chuyển cho bên thứ ba.

Căn cứ vào những nội dung nêu trên, có thể thấy nguy cơ rửa tiền đối với loại tội phạm này là THẤP.

## 1.13. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tội sản xuất, buôn bán hàng giả.

So với các loại tội phạm nguồn khác được xem xét, số liệu khởi tố và bị kết án tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thấp (năm 2016 là 30 vụ với 44 bị cáo, năm 2017 là 28 vụ với 43 bị cáo), số tiền phải thi hành án của loại tội phạm này là tương đối nhỏ (gần 1 tỷ đồng tương đương 45.000 USD năm 2016 và 16,2 tỷ đồng tương đương 736.000 USD vào năm 2017).

Thực tiễn công tác điều tra đối với loại tội phạm này cho thấy số tiền phạm tội thường có quy mô nhỏ và tội phạm hầu như không chuyển đổi tiền có được từ hoạt động phạm tội này sang các hình thức khác mà thường sử dụng tiền thu được vào mục đích tiêu dùng cá nhân.

Mức độ rủi ro rửa tiền đối với loại tội phạm này là THẤP.

## 1.14. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép, chiếm đoạt vũ khí quân dụng và phương tiện kỹ thuật quân sự

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa tiến hành khởi tố, điều tra vụ án nào về tội rửa tiền có nguồn gốc từ tộichế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép, chiếm đoạt vũ khí quân dụng và phương tiện kỹ thuật quân sự.

Căn cứ vào các số liệu liên quan đến việc điều tra, khởi tố, truy tố và xét xử thì số vụ việc phạm tội đối với loại tội phạm này không cao (109 vụ vào năm 2016 và 113 vụ vào năm 2017), giá trị tài sản phải thi hành án thấp (năm 2016 là 1,6 tỷ VND tương đương 73.000 USD và năm 2017 là 0.86 tỷ đồng tương đương 39.090 USD).

Các khoản lợi nhuận từ việc buôn bán vũ khí thường phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân của tội phạm.

Theo số liệu thống kê của Cục Phòng, chống rửa tiền, từ năm 2010 đến năm 2016, Cục Phòng, chống rửa tiền chưa chuyển vụ việc nào liên quan đến loại tội phạm này sang cơ quan công an để điều tra.

Căn cứ vào phân tích các nội dung nêu trên có thể kết luận nguy cơ rửa tiền đối với tội phạm này được đánh giá THẤP.

# 2. Nguy cơ rửa tiền theo lĩnh vực

|  |  |
| --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Nguy cơ rửa tiền** |
| Ngân hàng | CAO |
| Bất động sản | CAO |
| Chứng khoán | TRUNG BÌNH |
| Kiều hối | TRUNG BÌNH |
| Casino/Sòng bạc | TRUNG BÌNH  |
| Bảo hiểm | TRUNG BÌNH THẤP |
| Đại lý chuyển và thu đổi ngoại tệ | Kênh chuyển tiền chính thức | TRUNG BÌNH CAO |
| Kênh chuyển tiền phi chính thức | CAO |
| Kế toán, kiểm toán | THẤP |
| Luật sư, công chứng | THẤP |
| Các tổ chức tài chính khác | THẤP |

## 2.1. Lĩnh vực ngân hàng

Chiếm gần 90% tổng số báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR) gửi đến Cục Phòng, chống rửa tiền, cao hơn các lĩnh vực khác. Mặc dù phải khẳng định rằng không phải tất cả các khoản tiền thu bất chính đều được tội phạm đưa vào chu trình tẩy rửa tiền, song điều này cũng chứng tỏ, so với các lĩnh vực khác trong nền kinh tế, khả năng bọn tội phạm lựa chọn hệ thống ngân hàng nhằm hợp pháp hóa các khoản thu bất chính để biến những đồng “tiền bẩn” trên thành “tiền sạch” là cao hơn. Căn cứ vào những vụ đại án đã và đang bị điều tra về tội rửa tiền thời gian vừa qua và các số liệu về STR của Cục Phòng, chống rửa tiền có thể thấy nguy cơ rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng có thể liên quan chủ yếu đến việc rửa tiền có nguồn gốc từ tội tham ô tài sản (tội phạm chủ yếu liên quan đến những người có chức vụ, quyền hạn), đánh bạc và trốn thuế. Theo đó, để che giấu nguồn tiền thu được, tội phạm thường sử dụng tài khoản ngân hàng dưới tên người khác để nhận và chuyển các khoản tiền có nguồn gốc bất hợp pháp.

Trên cơ sở phân tích những nội dung có liên quan nêu trên, có thể thấy nguy cơ rửa tiền đối với lĩnh vực ngân hàng là CAO.

## 2.2. Lĩnh vực bất động sản

Là lĩnh vực thu hút được nhiều nguồn tiền đầu tư có giá trị lớn, các giao dịch mua bán, chuyển nhượng bất động sản có thể thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và không thông qua sàn giao dịch bất động sản nên rất khó cho các cơ quan chức năng kiểm tra, xác định nguồn gốc của tiền. Ngoài ra, đối với các vụ đại án về tham ô thời gian qua cũng như vụ đánh bạc nghìn tỷ đồng đang bị điều tra về rửa tiền, trong số các tài sản thu được từ các vụ án đều liên quan đến các tài sản là các bất động sản. Để rửa tiền, các đối tượng phạm tội thường nhờ người thân trong gia đình mua, chuyển nhượng, cho tặng bất động sản. Với các phân tích liên quan đã đưa ra kết luận nguy cơ rửa tiền trong lĩnh vực bất động sản là CAO.

## 2.3. Lĩnh vực chứng khoán

Trong giai đoạn từ 2012 – tháng 9/2017, theo số liệu thống kê của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền, không có vụ rửa tiền nào bị điều tra, truy tố, xét xử liên quan đến lĩnh vực chứng khoán.

Từ năm 2015 đến nay, cơ quan quản lý đã tiến hành phối hợp, xác minh, xử lý đối với 07 vụ việc giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến rửa tiền trong lĩnh vực chứng khoán. Cơ quan quản lý đã nhận được 02 báo cáo giao dịch đáng ngờ nhận được từ công ty chứng khoán.

Liên quan đến việc nhận diện khách hàng, theo quy định, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ không được giao dịch tiền mặt với khách hàng. Khách hàng của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải thực hiện nộp, rút, chuyển tiền thông qua các ngân hàng thương mại. Do vậy, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ gặp một số khó khăn trong việc xác định các giao dịch đáng ngờ do không nhận biết được người thực hiện giao dịch nộp, rút, chuyển tiền có phải là chủ tài khoản sở hữu chứng khoán hay không

Điều này cho thấy mức độ tuân thủ pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong khu vực chứng khoán chưa tương xứng với những rủi ro mà lĩnh vực này có thể gặp phải.

Căn cứ vào việc phân tích trên, có thể đưa ra kết luận nguy cơ rửa tiền đối với lĩnh vực chứng khoán là TRUNG BÌNH.

## 2.4. Lĩnh vực bảo hiểm

Theo số liệu thống kê của Cục Phòng, chống rửa tiền: Từ năm 2010 - 9/2016, Cục Phòng, chống rửa tiền đã tiếp nhận 176 STR từ các doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo hiểm, chiếm 3,17% tổng số STR. Tuy số lượng báo cáo STR trong lĩnh vực bảo hiểm chiếm tỉ trọng nhỏ, song việc chấp hành các quy định về phòng, chống rửa tiền ngày càng được các doanh nghiệp bảo hiểm quan tâm và thực hiện nghiêm túc (đặc biệt là các công ty bảo hiểm có vốn nước ngoài hoặc thuộc các tổ chức tín dụng). Kết quả phân tích STR từ năm 2012 đến tháng 9/2016, Cục Phòng, chống rửa tiền đã chuyển giao 13 vụ việc (liên quan đến 28 báo cáo STR) cho cơ quan công an để điều tra, xác minh thông tin. Các vụ việc được chuyển giao sang cơ quan công an chủ yếu liên quan đến việc các doanh nghiệp bảo hiểm tiến hành rà soát và phát hiện các đối tượng có liên quan trong các hợp đồng bảo hiểm có tên trong danh sách tội phạm bị truy nã, là đối tượng đang bị viện kiểm sát khởi tố, đang thuộc diện thi hành án. Tuy nhiên, các hợp đồng bảo hiểm vẫn tiếp tục được duy trì và việc đóng phí bảo hiểm trong các vụ việc này được thực hiện bởi người thân của các đối tượng truy nã. Ngoài ra, vào thời điểm cơ quan công an tiến hành xác minh thông tin đã xác định các đối tượng phạm tội có liên quan trong các hợp đồng bảo hiểm nêu trên đã thi hành xong án phạt tù, trở về địa phương nên không còn vi phạm hình sự nữa. Vì vậy, cơ quan công an không có ý kiến về việc xử lý đối với các hợp đồng bảo hiểm này.

Căn cứ vào việc phân tích những nội dung trên, có thể đưa ra kết luận nguy cơ rửa tiền đối với lĩnh vực bảo hiểm là TRUNG BÌNH THẤP.

## 2.5. Lĩnh vực đại lý chuyển và thu đổi ngoại tệ

Kênh chuyển tiền chính thức: Thủ tục chuyển tiền quốc tế qua các công ty kiều hối thường đơn giản hơn các ngân hàng, hồ sơ chứng minh mục đích chuyển tiền đơn giản hơn hoặc không cần cung cấp, mức phí thấp hơn. Điều này dễ tạo ra nguy cơ rửa tiền.Căn cứ vào các yếu tố được phân tích cho thấy nguy cơ rửa tiền đối với lĩnh vực chuyển và thu đổi ngoại tệ qua kênh chính thức là TRUNG BÌNH CAO.

Kênh chuyển tiền phi chính thức

Với những lợi ích vượt trội về phí chuyển tiền, tính tiện lợi, không phải chứng minh mục đích chuyển tiền, tính đơn giản về thủ tục… so với các kênh chuyển tiền chính thức, các kênh chuyển tiền phi chính thức (chuyển tiền ngầm) cũng được sử dụng để chuyển kiều hối về Việt Nam. So với các kênh chuyển tiền chính thức, các kênh chuyển tiền ngầm này tiềm ẩn nguy cơ rửa tiền cao hơn.

Căn cứ vào những nội dung nêu trên, nguy cơ rửa tiền đối với hệ thống chuyển tiền phi chính thức là CAO.

## 2.6. Lĩnh vực casino/sòng bạc

Trong giai đoạn từ 2010 đến tháng 9/2017, theo số liệu thống kê của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền, không có vụ rửa tiền nào bị điều tra, truy tố, xét xử liên quan đến lĩnh vực casino. Đây là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện nên được Chính phủ quản lý rất chặt chẽ. Đến nay, Chính phủ đã cấp phép cho 08 doanh nghiệp kinh doanh casino và chỉ dành cho người mang hộ chiếu nước ngoàinhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam. Theo kết quả tổng hợp số liệu báo cáo giao dịch đáng ngờ của Cục Phòng chống rửa tiền, từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2016, lĩnh vực này chưa phát sinh báo cáo giao dịch đáng ngờ. Việc chưa phát sinh báo cáo giao dịch đáng ngờ có thể do Việt Nam đã có quy định pháp luật tương đối đầy đủ và đây là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, số lượng tổ chức tham gia lĩnh vực này còn ít và chấp hành nghiêm quy định pháp luật liên quan về phòng, chống rửa tiền. Tuy nhiên, do lĩnh vực sòng bạc/casino là lĩnh vực sử dụng tiền mặt nhiều, nên cũng tạo ra những nguy cơ rửa tiền nhất định.

Căn cứ vào những phân tích nêu trên và tình hình thực tiễn tại Việt Nam, có thể nhận định nguy cơ rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh sòng bạc/casino TRUNG BÌNH.

## 2.7. Lĩnh vực kế toán, kiểm toán

Theo kết quả tổng hợp số liệu báo cáo giao dịch đáng ngờ của Cục Phòng chống rửa tiền, từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2016, lĩnh vực kế toán, kiểm toán chưa phát sinh vụ việc, báo cáo giao dịch đáng ngờ nào. Tính đến thời điểm hiện tại, chưa phát hiện vụ việc rửa tiền nào liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Căn cứ vào nội dung nêu trên có thể kết luận nguy cơ rửa tiền trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán là THẤP.

## 2.8. Lĩnh vực luật sư, công chứng

Theo kết quả tổng hợp số liệu báo cáo giao dịch đáng ngờ của Cục Phòng chống rửa tiền, từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2016, lĩnh vực luật sư, công chứng chưa phát sinh vụ việc, báo cáo giao dịch đáng ngờ nào. Tính đến thời điểm hiện tại, chưa phát hiện vụ việc rửa tiền nào liên quan đến lĩnh vực luật sư, công chứng. Bên cạnh đó, những người hoạt động trong lĩnh vực này là những người có hiểu biết pháp luật, vì vậy nguy cơ bị lạm dụng để rửa tiền là khó xảy ra.

Căn cứ vào việc phân tích những nội dung nêu trên có thể kết luận nguy cơ rửa tiền trong lĩnh vực luật sư, công chứng là THẤP.

## 2.9. Lĩnh vực các tổ chức tài chính khác

Các tổ chức tài chính khác gồm: Công ty kinh doanh kiều hối, đại lý thu đổi ngoại tệ, quỹ đầu tư phát triển địa phương, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô,chương trình, dự án tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân.

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến tháng 9/2017, theo số liệu thống kê của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền, không có vụ rửa tiền nào bị điều tra, truy tố, xét xử liên quan đến nhóm các tổ chức tài chính khác. Bên cạnh đó, Cục Phòng, chống rửa tiền không nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ nào liên quan đến nhóm các tổ chức tài chính khác. Không có vụ việc điều tra tài chính nào cho thấy lĩnh vực này có nguy cơ bị lạm dụng để rửa tiền.

Căn cứ vào những nội dung trên, kết luận nguy cơ rửa tiền đối với nhóm các tổ chức tài chính khác là THẤP.

**3. Tài sản phạm tội có nguồn gốc nước ngoài**

Từ năm 2010 đến tháng 9 năm 2016, Việt Nam đã nhận được 15 yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự từ nước ngoài, chủ yếu đến từ các nước Úc, Hoa Kỳ, Ba Lan, Tây Ban Nha, Campuchia và liên quan chủ yếu đến các tội rửa tiền, ma túy (trong đó riêng yêu cầu có liên quan đến tội rửa tiền chiếm 11/15 yêu cầu) và các tội khác như trốn thuế, lạm dụng chức vụ, hối lộ. Các yêu cầu đề nghị tương trợ bao gồm việc điều tra, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ. Hầu hết tất cả các vụ việc này đã được cơ quan có thẩm quyền Việt Nam giải quyết và phản hồi cho đối tác.

**CHƯƠNG 2.** **ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG QUỐC GIA**

Kết quả phân tích và đánh giá cho thấy mức độ tổn thương về rửa tiền của Việt Nam ở mức TRUNG BÌNH CAO. Một số nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả đánh giá này bao gồm:

## 1. Chính sách và việc thực thi chính sách, chiến lược phòng, chống rửa tiền

Đến nay, Việt Nam đã có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, kế hoạch tương đối đầy đủ và toàn diện về phòng, chống rửa tiền, bao gồm: Quy định trong Bộ luật Hình sự, Luật phòng, chống rửa tiền, các văn bản hướng dẫn luật và một số văn bản chuyên ngành khác. Tội danh rửa tiền được áp dụng cho cả cá nhân và pháp nhân thương mại.

Luật phòng, chống rửa tiền được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 18/6/2012, có hiệu lực từ ngày 01/01/2013 quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi rửa tiền; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền. Cùng với các văn bản hướng dẫn luật, công tác phòng, chống thực sự đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, qua hơn 5 năm triển khai, các quy định này đã bộc lộ một số hạn chế như: một số nội dung chưa được quy định đầy đủ, đồng bộ, chưa đáp ứng được chuẩn mực quốc tế và yêu cầu thực tiễn như các quy định về nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng; chủ sở hữu hưởng lợi; đánh giá rủi ro khách hàng; người có ảnh hưởng chính trị; giám sát đặc biệt giao dịch.

## 2. Đơn vị tình báo tài chính (FIU) - Cục Phòng, chống rửa tiền

Cục Phòng, chống rửa tiền được thành lập từ cuối năm 2005 và được cơ cấu lại năm 2009. Qua xem xét kết quả thu thập, phân tích và chuyển giao thông tin giao dịch đáng ngờ cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ghi nhận những kết quả sau:

Số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ nhận được từ các đối tượng báo cáo ngày một gia tăng. Từ năm 2010 đến năm 2017, Cục Phòng, chống rửa tiền đã tiếp nhận 7.285 báo cáo giao dịch đáng ngờ, trong đó khối ngân hàng chiếm 83,46%. Mặc dù đã tăng qua các năm nhưng số lượng báo cáo từ các lĩnh vực, ngành nghề khác còn khá khiêm tốn và chưa tương xứng với tính chất, quy mô hoạt động của lĩnh vực, ngành nghề này.

Từ năm 2010 đến năm 2017, Cục Phòng, chống rửa tiền đã chuyển giao 614 vụ việc liên quan đến 3.588 báo cáo giao dịch đáng ngờ cho cơ quan chức năng để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử và phòng, chống tội phạm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được thông tin do Cục Phòng, chống rửa tiền chuyển giao, các cơ quan chức năng đã tiến hành xử lý và có thông tin phản hồi về kết quả điều tra, xác minh làm rõ các vụ việc với CụcPhòng, chống rửa tiền.

Bên cạnh đó, trên cơ sở kết quả phân tích, Cục Phòng, chống rửa tiền đã đưa ra nhiều cảnh báo cho các cơ quan quản lý và các đối tượng báo cáo liên quan đến các hiện tượng gian lận, lừa đảo và các hành vi phạm pháp luật khác.

Tuy nhiên do Cục Phòng, chống rửa tiền là một đơn vị thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng nên còn hạn chế trong việc thực hiện chức năng của một Đơn vị tình báo tài chính theo chuẩn mực quốc tế (thu thập, chuyển giao thông tin); trong việc ký Biên bản ghi nhớ (MOU) về trao đổi thông tin trong và ngoài nước...

## 3. Điều tra, xét xử tội phạm tài chính

Việt Nam không có chức danh điều tra viên chuyên trách về tội phạm rửa tiền cũng như các tội phạm khác. Các điều tra viên theo chức năng, nhiệm vụ của mình sẽ tiến hành điều tra tội phạm kinh tế nói chung, trong đó có tội danh “rửa tiền” và các tội phạm nguồn của tội rửa tiền. Việc giao nhiệm vụ và tổ chức các nhóm điều tra viên chuyên biệt sẽ do sự bố trí và phân công công tác của lãnh đạo cấp trên.

Từ năm 2013 đến năm 2015, từ thông tin do Cục Phòng, chống rửa tiền chuyển giao, cơ quan công an đã và đang tiến hành xác minh, điều tra nhiều vụ việc, trong đó đã khởi tố 15 vụ án với các tội danh như: lừa đảo chiếm đoạt tài sản, kinh doanh trái phép, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, đánh bạc, chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có... Tuy nhiên, chưa khởi tố vụ án nào liên quan đến rửa tiền. Cụ thể:

Năm 2014: khởi tố 06 vụ, 07 bị can.

+ Tội danh “Đánh bạc”: 01 vụ, 01 bị can,

+ Tội danh “Kinh doanh trái phép”: 03 vụ, 4 bị can,

+ Tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: 01 vụ, 01 bị can

+ Tội danh “Mua bán trái phép hóa đơn…”: 01 vụ, 01 bị can.

Năm 2015: Khởi tố: 09 vụ, 149 bị can

+ Tội danh “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản”: 05 vụ, 20 bị can;

+ Tội danh “Tổ chức đánh bạc”: 01 vụ, 28 bị can;

+ Tội danh “Kinh doanh trái phép”: 01 vụ, 13 bị can;

+ Tội danh “Đánh bạc, tổ chức đánh bạc”: 01 vụ, 86 bị can;

+ Tội danh “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: 01 vụ, 02 bị can.

Mặc dù Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 có hiệu lực từ ngày 01/01/2010 nhưng kết quả điều tra, truy tố, xét xử đối với tội rửa tiền và tài trợ khủng bố còn rất khiêm tốn. Đến nay, Việt Nam mới chỉ kết án một vụ rửa tiền trong vụ án tham ô tài sản và rửa tiền xảy ra tại Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (năm 2016). Trên thực tế, một số hành vi cấu thành tội rửa tiền đã được các cơ quan chức năng điều tra, khởi tố và xét xử theo Điều 250 tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, mà không khởi tố, xét xử tội rửa tiền theo Điều 251. Theo tập quán, các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam chỉ mới tập trung vào điều tra tội phạmnguồn của tội rửa tiềnvà điều này là một điểm yếu trong hệ thống phòng, chống rửa tiền của Việt Nam.

## 4. Các thông tin và bằng chứng đáng tin cậy

### 4.1. Về cơ sở hạ tầng nhận dạng đáng tin cậy

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là cơ sở dữ liệu dùng chung, chia sẻ và phục vụ công tác quản lý nhà nước của các Bộ, ngành có liên quan. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bao gồm hệ thống xác định danh tính, được bảo mật, đầy đủ và đủ tin cậy để hỗ trợ quá trình xác minh thông tin của cá nhân. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thiết kế để các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có thể kết nối phục vụ cập nhật, chia sẻ, khai thác, trong đó có các hệ thống cơ sở dữ liệu có độ chính xác cao như cơ sở dữ liệu căn cước công dân quốc gia, cơ sở dữ liệu cư trú, cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử…

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các định chế tài chính có thể khai thác thông tin về công dân trong cơ sở dữ liệu căn cước công dân; tuy nhiên, hệ thống căn cước công dân có yếu tố bảo mật cao của ngành Công an và chỉ cung cấp, trả lời thông tin để phục vụ công tác nghiệp vụ và một số hoạt động theo quy định của pháp luật.

### 4.2. Về nguồn thông tin độc lập

Khi thực hiện nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng, các tổ chức tài chính, đặc biệt là các ngân hàng có thể dựa vào các nguồn thông tin độc lập đáng tin cậy sau đây:

a. Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC)

Kho dữ liệu về thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam do CIC quản lý lưu giữ thông tin của hơn 30 triệu khách hàng vay, với sự tham gia báo cáo, cung cấp thông tin của 100% các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam, hơn 1.000 quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tài chính vi mô cũng như các tổ chức khác trong và ngoài hệ thống ngân hàng và dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, các giải pháp thu thập, xử lý thông tin tự động, tiên tiến.

b. Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Đối với khách hàng là doanh nghiệp, các đối tượng báo cáo theo Luật phòng, chống rửa tiền có thể sử dụng thông tin trong Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để tìm kiếm, tra soát ([www.dangkydoanhnghiep.gov.vn](http://www.dangkydoanhnghiep.gov.vn)). Đây là nguồn thông tin sẵn có, đáng tin cậy và có giá trị pháp lý duy nhất về doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

### 4.3. Về thông tin của kiểm toán độc lập

Hệ thống văn bản pháp luật, chuẩn mực kiểm toán độc lập đã được xây dựng tương đối đầy đủ, hoàn thiện và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Các công ty đại chúng phải thực hiện công bố báo cáo tài chính đã được kiểm toán (kèm theo báo cáo kiểm toán). Do đó, người sử dụng báo cáo tài chính có thể tiếp cận tương đối dễ dàng với báo cáo kiểm toán của các doanh nghiệp là công ty đại chúng. Tuy nhiên, các thông tin và bằng chứng tin cậy phục vụ cho việc nhận dạng khách hàng nhìn chung còn chưa đa dạng và một số thông tin khó có thể truy cập do những ràng buộc pháp lý.

# CHƯƠNG 3. MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG VỀ RỬA TIỀN

# TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính và nền kinh tế quốc gia. Tổng tài sản có của hệ thống ngân hàng đã tăng từ 4.993.913 tỷ đồng năm 2011 (bằng 180% giá trị tổng GDP cả nước) lên tới 8.503.571 tỷ đồng năm 2016 (bằng 190% tổng GDP cả nước). Với mạng lưới rộng lớn và là kênh trung gian tài chính cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính như: cho vay, nhận tiền gửi, cho thuê tài chính, kinh doanh ngoại tệ, các công cụ thị trường tiền tệ..., mức độ tổn thương về rủi ro rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng được đánh giá ở mức TRUNG BÌNH CAO vì những lý do sau đây:

# 1. Mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực ngân hàng

1.1. Ngân hàng là đối tượng chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền bao gồm: Luật phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2013), Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật phòng, chống rửa tiền. Các quy định pháp luật của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền là tương đối toàn diện, cơ bản đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền của FATF.

1.2. Công tác cấp phép thành lập mới các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện được quy định và được tuân thủ chặt chẽ dựa trên Luật các tổ chức tín dụng 2010, Thông tư số 08/2015/TT-NHNN ngày 30/6/2015, Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Luật các tổ chức tín dụng 2010 có quy định về trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố của các tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài. Tính đến thời điểm hiện tại, chưa có đơn xin cấp phép của tổ chức nào không được cấp hoặc bị ngừng không được cấp phép hay rút giấy phép hoạt động do không đáp ứng các yêu cầu về phòng, chống rửa tiền.

1.3. Công tác thanh tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền đã được coi trọng. Qua thanh tra, đã đưa ra một số khuyến nghị liên quan đến việc hoàn thiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; tuy nhiên, chưa phát hiện vi phạm nghiêm trọng và chưa ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nào về phòng, chống rửa tiền. Hầu hết nhân viên ngân hàng đều nhận thức về trách nhiệm phòng, chống rửa tiền của mình, chất lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ ngày càng được cải thiện và không có dấu hiệu thông đồng với tội phạm hay thực hiện các hành vi gian lận trong việc kiểm soát hoạt động phòng, chống rửa tiền.

1.4. NHNN chưa có sổ tay thanh tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền trên cơ sở rủi ro. Việc thanh tra trên cơ sở rủi ro nói chung, trong đó có nội dung về phòng, chống rửa tiền mới được bước đầu áp dụng đối với khối thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng nước ngoài mà chưa được triển khai áp dụng đối với khối các tổ chức tín dụng trong nước. Nguồn lực thực hiện thanh tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền cũng còn có những hạn chế nhất định.

1.5. Nghị định số 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (có hiệu lực từ ngày 12/12/2014) đã có các điều khoản xử phạt cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở hình thức phạt tiền hoặc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (đình chỉ, miễn nhiệm chức danh) mà chưa có hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp về một hoặc một số hoạt động, dịch vụ ngân hàng và một số hoạt động kinh doanh khác.

1.6. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 30/6/2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) đã quy định chế tài hình sự thích đáng và có tính răn đe đối với hành vi rửa tiền. Bên cạnh đó, số liệu khảo sát cho thấy trong giai đoạn từ 2012 đến nay một số lượng nhất định nhân viên ngân hàng đã bị điều tra, khởi tố, truy tố về tội phạm nguồn của tội rửa tiền như tội gian lận, lừa đảo (vụ việc liên quan đến cán bộ, nhân viên ngân hàng có hành vi gian lận)...

1.7. Luật phòng, chống rửa tiền và các yêu cầu về cấp phép và đăng ký chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức trong công tác phòng, chống rửa tiền.

1.8. Mặc dù Luật phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Nghị định 116/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật đã quy định đối tượng báo cáo phải xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền (Điều 20), bao gồm có nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng, chống rửa tiền. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu hụt liên quan đến việc một vài ngân hàng chưa tự tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng nào về kiến thức phòng, chống rửa tiền, hệ thống công nghệ thông tin để thực hiện sàng lọc, giám sát khách hàng và giao dịch còn hạn chế, số lượng và chất lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ chưa cao.

1.9. Chưa có cơ chế hiệu quả để có thể tiếp cận các thông tin về cơ cấu, quản lý, kiểm soát và chủ sở hữu hưởng lợi của các công ty, tín thác hay các doanh nghiệp tương tự nhằm hỗ trợ việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng một cách kịp thời.

1.10. Mức độ sẵn có của các nguồn thông tin độc lập: Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý lưu giữ thông tin của hơn 30 triệu khách hàng vay, với sự tham gia báo cáo, cung cấp thông tin của 100% các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam, hơn 1.000 quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tài chính vi mô cũng như các tổ chức khác trong và ngoài hệ thống ngân hàng.

Ngoài CIC, các ngân hàng còn sử dụng các nguồn thông tin độc lập khác như cơ quan thuế, hải quan, kiểm toán và các dịch vụ tra cứu như World-Check, Accuity, FIB. Tuy nhiên, những nguồn thông tin này mới chỉ được một số ít ngân hàng sử dụng và cũng chưa đáp ứng được yêu cầu thẩm định khách hàng của ngân hàng.

# 2. Mức độ tổn thương rửa tiền đối với các sản phẩm

Báo cáo đã thực hiện đánh giá mức độ tổn thương của 06 sản phẩm, dịch vụ ngân hàng (huy động cá nhân, điện chuyển khoản ngân hàng, tài khoản tiền gửi thanh toán, tài trợ thương mại, tài khoản đại lý và dịch vụ ngân hàng điện tử) như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Sản phẩm/dịch vụ** | **Mức độ dễ bị tổn thương tiềm ẩn của sản phẩm****(Product inherent vulnerabilty)** | **Mức độ dễ bị tổn thương cuối cùng của sản phẩm****(Final product vulnerability)** |
| 1 | Huy động cá nhân(retail deposits) | Tương đối cao | Tương đối cao |
| 2 | Điện chuyển khoản ngân hàng(wire transfers) | Cao | Tương đối cao |
| 3 | Tài khoản tiền gửi thanh toán(current accounts) | Tương đối cao | Tương đối cao |
| 4 | Tài trợ thương mại(trade finance) | Tương đối cao | Tương đối cao |
| 5 | Tài khoản đại lý(correspondent accounts) | Thấp | Thấp |
| 6 | Dịch vụ ngân hàng điện tử(electronic banking) | Trung bình | Trung bình |

Kết quả đánh giá cho thấy, mức độ tổn thương của hầu hết các sản phẩm, dịch vụ là ở mức tương đối cao; riêng dịch vụ ngân hàng điện tử được đánh giá ở mức TRUNG BÌNH và dịch vụ tài khoản đại lý ở mức THẤP.

# CHƯƠNG 4. MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG VỀ RỬA TIỀN

# TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam bắt đầu hoạt động từ tháng 7/2000 và là kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế. Giá trị vốn huy động qua TTCK từ khi khai trương hoạt động đến nay đã đạt trên 88 tỷ USD, trong đó giai đoạn 2011 đến cuối 2016, mức huy động vốn qua TTCK đã đạt 66 tỷ USD, đóng góp bình quân 21% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và tương đương khoảng 50% so với nguồn cung vốn tín dụng thông qua hệ thống ngân hàng. Hiện nay, trên TTCK có 78 công ty chứng khoán (trong đó có 26 công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài) và 45 công ty quản lý quỹ đang hoạt động. Tính đến cuối năm2017, có 737 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ, ETFs niêm yết trên Sở giao dịch chứng thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và 690 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom). Giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt 70,2% GDP. Số lượng tài khoản của nhà đầu tư cũng không ngừng tăng từ 3.000 tài khoản (năm 2000) lên 1,92 triệu tài khoản (tháng 12/2007).

Kết quả đánh giá cho thấy mức độ dễ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực chứng khoán đạt mức xếp hạng TRUNG BÌNH. Việc đưa ra mức xếp hạng và kết quả đánh giá dựa vào việc chạy mô hình trên cơ sở kết quả khảo sát và thông tin thu thập được qua bảng câu hỏi điều tra từ cơ quan quản lý (Ủy ban Chứng khoán Nhà nướcvà Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và 49 công ty chứng khoán đang hoạt động, theo đó, kết quả cụ thể như sau:

# 1. Mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực chứng khoán

## 1.1. Về chính sách và quy định về phòng, chống rửa tiền

#### - Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực chứng khoán đã được xây dựng tương đối toàn diện trong đó đã có các quy định về chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền (mức phạt lên đến 250.000.000 đồng) và xử lý hình sự (mức phạt tù tối đa lên đến 15 năm).

- Quy định về gia nhập ngành chứng khoán chặt chẽ, đảm bảo tính ngăn chặn cao những đối tượng gia nhập ngành với mục đích rửa tiền.

- Về cam kết với các tổ chức quốc tế: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) thực hiện cam kết nội dung về phòng, chống rửa tiền trong Bản ghi nhớ đa phương giữa các nước thành viên IOSCO.

## 1.2. Chất lượng vận hànhphòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực chứng khoán

Chất lượng vận hành của các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong công tác phòng, chống rửa tiền đã có nhiều tiến triển thể hiện trên các nhân tố như:

### 1.2.1. Khuôn khổ nhận dạng khách hàng

- Cơ sở hạ tầng nhận dạng khách hàng: Luật phòng, chống rửa tiềnvà Luật Chứng khoán đều có quy định các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải nhận diện thông tin khách hàng. Thông tin khách hàng được nhận diện chủ yếu dựa trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn và các thông tin khác do khách hàng cung cấp như số điện thoại, email, mức độ chịu rủi ro, chủ sở hữu hưởng lợi… (độ tin cậy không cao). Qua khảo sát cho thấy 98% công ty chứng khoán có quy định về lưu trữ hồ sơ của khách hàng và 100% các công ty chứng khoán có hệ thống công nghệ thông tin quản lý thông tin khách hàng, trong đó có 44% cho biết có module rà soát giao dịch và những dấu hiệu về rửa tiền.

- Đặc trưng chủ yếu của từng loại hình khách hàng: Các đối tượng khách hàng trong lĩnh vực chứng khoán có thể được phân loại dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau theo mức độ rủi ro về rửa tiền.

- Mức độ sẵn có của các nguồn thông tin độc lập: Hiện nay UBCKNN vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn thông tin về giao dịch tiền, lịch sử cuộc gọi, IP đặt lệnh, ... Để tháo gỡ khó khăn này, UBCKNN đã ký biên bản ghi nhớ về việc trao đổi thông tin với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (Cơ quan TTGSNH), Tổng cục Thuế và đang đề xuất xây dựng Luật chứng khoán (sửa đổi).

*-* Nhận diện khách hàng đối với các giao dịch tiền:Công ty chứng khoán gặp khó khăn trong việc nhận diện các giao dịch tiền mặt với khách hàng bởi khách hàng của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ thực hiện giao dịch tiền thông qua các ngân hàng thương mại. Do đó, công ty chứng khoán không kiểm tra được nguồn gốc của số tiền khách hàng dùng để mua chứng khoán và cũng không kiểm soát được tiền rút ra từ tài khoản chứng khoán có được chuyển cho đối tượng có nguy cơ cao về rửa tiền không.

- Tính minh bạch của công ty chứng khoán: Căn cứ kết quả khảo sát và kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy về cơ bản các công ty chứng khoán đã thành lập bộ phận phòng, chống rửa tiền, có lãnh đạo phụ trách tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, có nhân viên chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống rửa tiền, ban hành quy trình, quy định nội bộ về công tác phòng, chống rửa tiền. Kết quả khảo sát cho thấy 96% công ty chứng khoán có quy trình, quy định lưu trữ về các sự cố, hành vi vi phạm do nhân viên gây ra (nhằm mục đích quản trị rủi ro hoạt động) và 90% công ty chứng khoán có chế tài xử phạt nhân viên vi phạm chính sách tuân thủ phòng, chống rửa tiền.

### 1.2.2. Quản lý, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền

Hiện nay, công tác quản lý, giám sát phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực chứng khoán có thể được chia làm 03 cấp độ: Cơ quan quản lý nhà nước (Cơ quan TTGSNH và UBCKNN), công ty chứng khoán và nhân viên chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống rửa tiền. Căn cứ theo kết quả khảo sát: 74,5% công ty chứng khoán phân công trên 01 người tham gia giám sát tuân thủ phòng, chống rửa tiền, 98% công ty chứng khoán có quy định về lưu trữ hồ sơ của khách hàng và thực hiện báo cáo về phòng, chống rửa tiền và về cơ bản tất cả các công ty chứng khoán đều có hệ thống thông tin lưu giữ thông tin khách hàng, cho phép và hỗ trợ quá trình giám sát giao dịch của khách hàng dựa trên thông tin của khách hàng.

Hàng năm UBCKNN thực hiện kiểm tra, thanh tra định kỳ đối với các các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong đó có nội dung về phòng, chống rửa tiền.

### 1.2.3. Tuân thủ của nhân viên chứng khoán

- Chất lượng giám sát về phòng, chống rửa tiền: Chất lượng giám sát phòng, chống rửa tiền của công ty chứng khoán phụ thuộc nhiều vào mức độ tuân thủ của nhân viên chứng khoán. Kết quả khảo sát cho thấy 93,6% công ty chứng khoán đã ban hành sổ tay hướng dẫn, quy trình, chính sách, quy định liên quan đến phòng, chống rửa tiền; 68% công ty chứng khoán cho rằng nhân viên của công ty có ý thức về nghĩa vụ, quy trình báo cáo tuân thủ biện pháp phòng, chống rửa tiền ở mức cao và 32% công ty chứng khoán tự đánh giá ở mức trung bình. Ngoài ra, các công ty chứng khoán cho biết nhân viên của công ty đều hiểu hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền.

- Kiến thức về phòng, chống rửa tiền: Có 48,9% công ty chứng khoán tham gia khảo sát cho biết đã tổ chức từ 01 chương trình đào tạo tại chỗ về phòng, chống rửa tiền trở lên. Đối tượng được tập huấn về phòng, chống rửa tiền chủ yếu là lãnh đạo (chiếm 57%) trong khi nhân viên là 43%; có 61% công ty chứng khoán có đào tạo cán bộ chuyên trách phòng, chống rửa tiền về hệ thống và mô hình rửa tiền nội địa, xuyên quốc gia.

- Tính liêm chính của nhân viên chứng khoán: Kết quả khảo sát cho thấy 100% nhân viên của các công ty chứng khoán không vi phạm nguyên tắc trung thực về phòng, chống rửa tiền. Để xây dựng cơ chế phù hợp nhằm bảo vệ nhân viên sau khi họ báo cáo giao dịch đáng ngờ, 85% công ty chứng khoán tham gia khảo sát đã xây dựng cơ chế giữ bí mật danh tính nhân viên trong trường hợp họ báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc các giao dịch liên quan khác.

- Mức độ sẵn có và thực thi biện pháp xử phạt đối với các nghĩa vụ về phòng, chống rửa tiền trong công ty chứng khoán: Về cơ bản, khung pháp lý liên quan đến việc xử phạt đối với các vi phạm nghĩa vụ phòng, chống rửa tiềntrong lĩnh vực chứng khoán tương đối hoàn thiện, bao gồm cả xử phạt vi phạm hành chính (mức phạt tiền lên đến 250.000.000 đồng) và xử lý hình sự (mức phạt tù tối đa lên đến 15 năm).

# 2. Tính dễ tổn thương của sản phẩm

Hiện nay, các sản phẩm chính trên TTCK gồm cổ phiếu (niêm yết, đăng ký giao dịch, OTC), trái phiếu (trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp), chứng chỉ quỹ và chứng khoán phái sinh. Trong số các sản phẩm trên thì cổ phiếu là sản phẩm có tính dễ tổn thương cao nhất, dễ bị các đối tượng tội phạm lợi dụng với mục đích rửa tiền. Một trong những sản phẩm khác có tiềm ẩn nguy cơ để thực hiện hành vi rửa tiền đó là giao dịch cổ phiếu chưa niêm yết, đăng ký giao dịch (OTC).

# CHƯƠNG 5. MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG VỀ RỬA TIỀN

# TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM

Mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực bảo hiểm được đánh giá là THẤP. Trên thực tế đây vẫn là lĩnh vực chiếm tỷ trọng nhỏ trên thị trường tài chính Việt Nam. Trong giai đoạn 2011-2015, thị trường bảo hiểm đạt mức tăng trưởng bình quân 16%/năm. Năm 2017, thị trường bảo hiểm tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao với doanh thu đạt 132.369 tỷ đồng, tăng 28,25% so với năm 2016, đóng góp vào 2,64% vào GDP (trong đó doanh thu phí bảo hiểm đạt 107.821 tỷ đồng, doanh thu hoạt động đầu tư đạt 24.548 tỷ đồng); tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế đạt 247.815 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 316.300 tỷ đồng, tổng dự phòng nghiệp vụ đạt 189.248 tỷ đồng, tổng nguồn vốn chủ sở hữu toàn thị trường đạt 65.692 tỷ đồng, tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm đạt 31.903 tỷ đồng. Theo đó, bảo hiểm ngày càng thể hiện được vai trò, vị trí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) là đối tượng báo cáo theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền.

## 1. Mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Tính đến ngày 31/12/2016, Bộ Tài chính đã cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho 64 DNBH, môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài (trong đó có 18 DNBH nhân thọ).

Các DNBH đã xây dựng quy chế và chỉ định cán bộ, bộ phận phụ trách về công tác phòng, chống rửa tiền. Các DNBH chưa xây dựng quy chế và chỉ định cán bộ, bộ phận phụ trách về phòng, chống rửa tiền chủ yếu là các doanh nghiệp mới thành lập và hoạt động trong năm 2015, 2016. Đối với các doanh nghiệp này, cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm đều hướng dẫn để doanh nghiệp thực hiện, tuân thủ quy định pháp luật.

Thị trường bảo hiểm Việt Nam hiện có 18 DNBH nhân thọ, cả 18/18 doanh nghiệp đều đã xây dựng, ban hành quy trình quản lý nội bộ về phòng, chống rửa tiền và thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm quy trình quản lý phòng, chống rửa tiền được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật. Ngoài quy trình phòng, chống rửa tiền, các DNBH nhân thọ còn ban hành các quy định về nhận biết khách hàng, đánh giá rủi ro khách hàng... trong quy trình khai thác, quy trình thẩm định, phát hành hợp đồng bảo hiểm. Các DNBH nhân thọ cũng đã thành lập các bộ phận riêng và cử cán bộ phụ trách công tác phòng, chống rửa tiền.

Bên cạnh đó, phần lớn các DNBH nhân thọ đều là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài, do đó các doanh nghiệp đều chịu sự quản lý, kiểm soát gắt gao từ công ty mẹ trong công tác đánh giá, quản lý phòng, chống rửa tiền. Hàng năm, phần lớn các doanh nghiệp đều có báo cáo kiểm toán nội bộ về kết quả phòng, chống rửa tiềncủa doanh nghiệp.

Cả 18/18 DNBH nhân thọ đều trang bị hệ thống phần mềm quản lý hợp đồng bảo hiểm hiện đại, trong đó có 16/18 DNBH nhân thọ có trang bị phần mềm hoặc sử dụng thông tin hỗ trợ độc lập để nhận diện khách hàng.

Tính đến thời điểm hiện tại, cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm chưa tiến hành các cuộc thanh tra độc lập về rửa tiền/tài trợ khủng bố. Tuy nhiên, trong các năm vừa qua, thực hiện quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống rửa tiền, tùy từng trường hợp cụ thể, Bộ Tài chính đã đưa nội dung thanh tra công tác phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố theo yêu cầu vào đề cương kế hoạch thanh tra các doanh nghiệp nhưng đến nay chưa phát hiện sai phạm liên quan đến lĩnh vực này. Ngoài ra, trong quá trình quản lý, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm, Bộ Tài chính thường xuyên có các công văn yêu cầu các doanh nghiệp bảo hiểm tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền.

## 2. Tính dễ tổn thương của một số sản phẩm

Hiện các DNBH nhân thọ cung cấp 09 nhóm sản phẩm, gồm:

(1) Nhóm sản phẩm bảo hiểm nhân thọ đóng phí một lần (cá nhân);

(2) Nhóm sản phẩm bảo hiểm nhân thọ thuần túy – không kể đóng phí một lần (cá nhân);

(3) Nhóm sản phẩm bảo hiểm nhân thọ có giá trị tiền mặt và yếu tố đầu tư, tiết kiệm – không kể đóng phí một lần (cá nhân);

(4) Nhóm sản phẩm khác có giá trị tiền mặt và yếu tố đầu tư, tiết kiệm – không kể đóng phí một lần (cá nhân);

(5) Nhóm sản phẩm hưu trí (cá nhân);

(6) Nhóm sản phẩm bảo hiểm nhân thọ đóng phí một lần (nhóm);

(7) Nhóm sản phẩm bảo hiểm nhân thọ thuần túy – không kể đóng phí một lần (nhóm);

(8) Nhóm sản phẩm bảo hiểm nhân thọ có giá trị tiền mặt và yếu tố đầu tư, tiết kiệm – không kể đóng phí một lần (nhóm);

(9) Nhóm sản phẩm khác có giá trị tiền mặt và yếu tố đầu tư, tiết kiệm – không kể đóng phí một lần (nhóm).

Qua xem xét, trong số 9 nhóm sản phẩm nêu trên của các DNBH nhân thọ, sản phẩm chủ yếu thuộc nhóm (2) và (3). Sản phẩm thuộc nhóm (1) chiếm tỷ trọng rất thấp, chỉ có một số DNBH nhân thọ triển khai và tỷ lệ doanh thu phí chỉ chiếm khoảng 0,02% đến 5%. Chỉ có 01 DNBH nhân thọ có tỷ lệ doanh thu phí đóng 01 lần có tỷ lệ cao là Prevoir với tỷ lệ 34,002%.

Những yếu tố làm giảm tính dễ tổn thương của các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ gồm: (i) Phần lớn các DNBH nhân thọ không tiến hành thanh toán bảo hiểm cho bên thứ 3, chỉ một số ít DNBH thanh toán cho bên thứ 3 là người thụ hưởng hoặc người thừa kế của hợp đồng bảo hiểm; (ii)18/18 DNBH nhân thọ đều không tiến hành thanh toán bảo hiểm qua biên giới (cross-border); (iii) số lượng khách hàng có quốc tịch nước ngoài hoặc có ảnh hưởng chính trị (trong nước, quốc tế) của các DNBH nhân thọ chiếm tỷ trọng rất thấp; (iv) phương thức đóng phí của các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ hiện nay đang được sử dụng gồm: Qua đại lý, qua ngân hàng, thu phí trực tiếp, từ đó giảm thiểu việc chiếm dụng phí của đại lý cũng như các rủi ro khác liên quan đến thu phí bảo hiểm bằng tiền mặt.

**Kết luận**: Mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực bảo hiểm là THẤP.

# CHƯƠNG 6. MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG VỀ RỬA TIỀN

# ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH KHÁC

Nhóm các tổ chức tài chính khác đa dạng về loại hình, địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước với quy mô thường là rất nhỏ so với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Do các tổ chức tài chính khác quy mô nhỏ, mô hình tổ chức đơn giản nên nguy cơ xảy ra vi phạm và mức độ ảnh hưởng là không lớn khi so sánh, đối chiếu với tổng thể đối tượng báo cáo xét trên tất cả các khía cạnh. Nhận thức và hiểu biết đối với các quy định pháp luật trong đó có quy định về phòng, chống rửa tiền của nhóm các tổ chức tài chính khác hạn chế hơn so với nhóm các tổ chức chuyên nghiệp như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, chứng khoán.

Phần lớn các tổ chức tài chính khác là đối tượng quản lý trực tiếp của NHNN với hệ thống mạng lưới tại 63 tỉnh, thành phố nên về cơ bản các tổ chức này được quản lý chặt chẽ theo các quy định của pháp luật, trong đó có quy định về phòng, chống rửa tiền.

Kết quả đánh giá mức độ dễ tổn thương về rửa tiền của nhóm các tổ chức tài chính khác như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **LĨNH VỰC** | **MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG** **VỀ RỬA TIỀN** |
| Công ty kinh doanh kiều hối  | TRUNG BÌNH |
| Đại lý thu đổi ngoại tệ  | TRUNG BÌNH |
| Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính tổng hợp, công ty cho thuê tài chính, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng | THẤP |
| Tổ chức tài chính vi mô; chương trình, dự án tài chính vi mô | THẤP |
| Quỹ tín dụng nhân dân  | THẤP |
| Quỹ đầu tư phát triển địa phương | TRUNG BÌNH CAO |
| Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán | TRUNG BÌNH |
| Hiệu cầm đồ | TRUNG BÌNH  |
| Hệ thống chuyển tiền ngầm | CAO |

## 1. Tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động nhận và chi trả ngoại tệ (Công ty kiều hối)

Chất lượng kiểm soát phòng, chống rửa tiền của các công ty kiều hối ở mức trung bình cao. Đạt được mức này do chất lượng vận hành và chất lượng chính sách và quy trình phòng, chống rửa tiền đều đạt mức trung bình cao. Đối với chất lượng vận hành, cần đặc biệt lưu ý đến chất lượng của khung thẩm định khách hàng (chỉ đạt mức rất thấp), chủ yếu do mức độ sẵn có của nguồn thông tin độc lập bằng không. Tuy nhiên, đây là khu vực có đặc thù cung cấp dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về, thủ tục chuyển tiền đơn giản, việc thu thập thông tin về khách hàng thường đơn giản; ngoài ra, thông tin chi tiết về bên chuyển tiền thường không thu thập được đầy đủ. Mức độ dễ tổn thương về rửa tiền ở khu vực này được đánh giá ở mức TRUNG BÌNH.

## 2. Đại lý thu đổi ngoại tệ

Chất lượng kiểm soát phòng, chống rửa tiền của các đại lý đổi ngoại tệ ở mức trung bình. Điều này là do chất lượng vận hành và chất lượng chính sách và quy trình phòng, chống rửa tiền lần lượt đạt mức trung bình và trung bình cao. Chất lượng vận hành chỉ đạt mức trung bình do chất lượng của khuôn khổ thẩm định khách hàng chỉ ở mức trung bình thấp (tiệm cận ngưỡng thấp), điều này do mức độ sẵn có của cơ sở hạ tầng nhận dạng tin cậy và mức độ sẵn có và tiếp cận thông tin sở hữu đều ở mức trung bình, đặc biệt là mức độ sẵn có của nguồn thông tin độc lập bằng không. Do vậy, tính dễ tổn thương đối với rửa tiền ở khu vực này được đánh giá ở mức TRUNG BÌNH.

## 3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính tổng hợp, công ty cho thuê tài chính, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng

Chất lượng kiểm soát phòng, chống rửa tiền của các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính đạt ở mức từ trung bình cao đến cao. Điều này là do hiện nay đã có khung pháp lý điều chỉnh và kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của các tổ chức này (tính toàn diện của khuôn khổ pháp lý về phòng, chống rửa tiền và hiệu quả của hoạt động thanh tra, giám sát đều được đánh giá cao). Chất lượng vận hành và chất lượng chính sách và quy trình phòng chống rửa tiền lần lượt đạt mức trung bình cao và cao. Mức độ sử dụng tiền mặt đạt mức trung bình thấp và thấp và tần suất giao dịch quốc tế hầu như bằng không. Do vậy, mức độ tổn thương đối với rửa tiền ở khu vực này được đánh giá ở mức TRUNG BÌNH.

## 4. Tổ chức tài chính vi mô, chương trình dự án tài chính vi mô

So với các tổ chức tài chính vi mô, chương trình dự án tài chính vi mô tuy đã có khung pháp lý điều chỉnh hoạt động (Quyết định 20/2017/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ) nhưng chưa hoàn thiện và đồng bộ.

Tương tự như nhóm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô đã tuân thủ quy định của Luật tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn, do đó chất lượng kiểm soát phòng, chống rửa tiền của các tổ chức này đạt mức trung bình đến trung bình cao. Tính toàn diện của khuôn khổ pháp lý về phòng chống rửa tiền và hiệu quả của hoạt động thanh tra, giám sát đều đạt được đánh giá ở mức từ trung bình đến trung bình cao. Chất lượng vận hành và chất lượng chính sách và quy trình phòng, chống rửa tiền đạt mức cao. Mức độ sử dụng tiền mặt đạt mức trung bình thấp và thấp và tần suất giao dịch quốc tế hầu như bằng không. Do vậy, có thể đánh giá tính dễ tổn thương đối với rửa tiền ở khu vực này là TRUNG BÌNH.

## 5. Quỹ tín dụng nhân dân

Hệ thống quỹ tín dụng nhân dân được cấp phép bởi NHNN chi nhánh và chịu sự quản lý, thanh tra, giám sát trực tiếp của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố. Về cơ bản, các quỹ tín dụng nhân dân là các tổ chức mang tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế cho các hộ nghèo trong phạm vi địa phương, khách hàng phần lớn là nông dân vay tiền đầu tư vào hoạt động sản xuất nông nghiệp. Không có các giao dịch quốc tế thực hiện thông qua hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân. Tính dễ tổn thương đối với rửa tiền ở khu vực này là THẤP.

## 6. Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Theo kết quả tổng hợp phiếu điều tra, chất lượng kiểm soát về phòng, chống rửa tiền của nhóm quỹ đầu tư phát triển này ở mức thấp. Yếu tố tác động chủ yếu đến kết quả này phát sinh từ các yếu tố về kiến thức phòng, chống rửa tiền của nhân viên, mức độ tuân thủ của nhân viên về phòng, chống rửa tiền, giám sát phòng, chống rửa tiền và hiệu quả công tác theo dõi, báo cáo giao dịch đáng ngờ đều ở mức thấp. Các yếu tố tác động khác như mức độ sẵn có của các nguồn thông tin độc lập, cơ sở hạ tầng nhận dạng thông tin khách hàng, mức độ sẵn có kiểm soát thông tin chủ sở hữu hưởng lợi, mức độ sẵn có và hiệu quả của biện pháp kiểm soát gia nhập ngành đều ở mức trung bình cao và khung pháp lý quy định về phòng, chống rửa tiền đạt ở mức CAO. Điều này cho thấy, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả chất lượng kiểm soát phòng, chống rửa tiền ở mức thấp là do các quỹ đầu tư chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ các biện pháp phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật. Do vậy, có thể nói tính dễ tổn thương đối với rửa tiền, tài trợ khủng bố của khu vực này ở mức TRUNG BÌNH CAO.

## 7. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

Theo kết quả khảo sát, chất lượng kiểm soát phòng, chống rửa tiền ở các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ở mức trung bình cao. Mặc dù, mức hiểu biết về phòng, chống rửa tiền của các nhân viên của tổ chức ở mức cao, cam kết của lãnh đạo, hiệu quả bộ phận tuân thủ đều cao, tuy nhiên, hiệu quả theo dõi báo cáo giao dịch đáng ngờ lại chỉ ở mức trung bình. Do vậy, có thể nói tính dễ tổn thương đối với rửa tiền của khu vực này ở mức TRUNG BÌNH.

## 8. Hiệu cầm đồ

Theo kết quả khảo sát, các hiệu cầm đồ chưa triển khai thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền. Chất lượng kiểm soát phòng, chống rửa tiền ở mức độ thấp.

Nguy cơ rửa tiền thông qua hoạt động cầm đồ là đáng kể, tuy nhiên, quy mô và giá trị giao dịch không lớn. Do vậy, có thể nói tính dễ tổn thương đối với rửa tiền của khu vực này ở mức TRUNG BÌNH.

**9. Kênh chuyển tiền phi chính thức**

Tùy vào quy định của mỗi quốc gia, có nơi sẽ cho rằng hình thức chuyển tiền này là "không chính thức" hoặc "bất hợp pháp". Trên thực tế, đã có một số vụ việc người Việt Nam bị cơ quan có thẩm quyền Nhật Bản bắt giữ vì hành vi chuyển tiền ngầm. Riêng tại Việt Nam, mọi hoạt động kinh doanh liên quan đến thanh toán phải được cấp phép. Bên cạnh đó, một trong những hành vi bị cấm theo khoản 4 điều 7 Luật phòng, chống rửa tiền về các hành vi bị cấm là "Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng tại một địa điểm khác".

Trên thực tế, rất khó để có thể luận tội đây là hình thức chuyển tiền bất hợp pháp bởi người gửi và nhận hoàn toàn có thể nói rằng đơn giản họ chỉ nhờ thân nhân mang tiền về hộ. Tuy nhiên, việc chuyển tiền này chỉ dựa trên cơ sở niềm tin, không có giấy tờ nên dễ bị tội phạm rửa tiền lạm dụng[[5]](#footnote-5).

Mặc dù các tiệm vàng và quầy thu đổi ngoại tệ phải tuân thủ các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền tuy nhiên, do hoạt động chuyển tiền không được pháp luật thừa nhận, trong quá trình cung ứng dịch vụ này của các tiệm vàng và quầy thu đổi ngoại tệ, các biện pháp phòng, chống rửa tiền không được áp dụng.

Căn cứ vào những nội dung trên, có thể kết luận mức độ tổn thương về rửa tiền đối với hoạt động chuyển tiền phi chính thức là CAO.

**CHƯƠNG 7.** **MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG VỀ RỬA TIỀN**

**TRONG LĨNH VỰC** **KINH DOANH NGÀNH NGHỀ PHI**

**TÀI CHÍNH CHỈ ĐỊNH**

Việt Nam đã có quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền (Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn) đầy đủ và toàn diện, điều chỉnh nghĩa vụ về phòng, chống rửa tiền của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh ngành nghề phi tài chính chỉ định (DNFBPs) phù hợp với thông lệ quốc tế (thu thập, theo dõi cập nhật thông tin khách hàng dựa trên rủi ro, lưu trữ hồ sơ, tăng cường việc thu thập theo dõi và cập nhật thông tin về cá nhân có ảnh hưởng chính trị (PEPs) và các quốc gia có rủi ro cao, báo cáo giao dịch đáng ngờ, tiết lộ, bảo mật thông tin, kiểm soát nội bộ, chế độ báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát và các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực DNFBPs.

Kết quả đánh giá mức độ tổn thương về rửa tiền đổi với lĩnh vực DNFBPs cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Tính dễ tổn thương về rửa tiền** |
| Kinh doanh trò chơi có thưởng, casino | TRUNG BÌNH |
| Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản | TRUNG BÌNH |
| Kinh doanh kim loại quý và đá quý | TRUNG BÌNH |
| Luật sư, công chứng viên và các chuyên gia pháp lý độc lập khác | THẤP |
| Kế toán, kiểm toán viên, tư vấn thuế | THẤP |
| Dịch vụ ủy thác đầu tư; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp | TRUNG BÌNH CAO |
| Dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp cho bên thứ ba | THẤP |

## 1. Kinh doanh trò chơi có thưởng, casino

Một số thách thức trong lĩnh vực này bao gồm: (i) Hoạt động giao dịch tiền mặt cao, thường hoạt động trong 24h, các giao dịch tiền mặt được tiến hành nhanh chóng; (ii) chỉ có khách hàng có hộ chiếu nước ngoài, nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam mới được phép tham gia chơi, tuy nhiên vấn đề tiếp cận, cập nhật thông tin khách hàng và xác định quyền sở hữu hưởng lợi còn gặp nhiều khó khăn; (iii) công tác tuyên truyền về phòng, chống rửa tiền chưa được quan tâm thích đáng; (iv) cơ chế trao đổi thông tin giữa các ngành, nghề cấu thành tội phạm nguồn về rửa tiền và các lĩnh vực khác chưa thực sự hiệu quả

Đánh giá: (i) So với các lĩnh vực khác, khả năng tội phạm lợi dụng hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng (TCCT) và casino để rửa tiền là thấp hơn do chi phí cao,giá trị của giao dịch không lớn, không thuận lợi trong việc chuyển tiền phạm tội từ nơi này sang nơi khác; (ii) quy mô lĩnh vực TCCT và casino (số lượng doanh nghiệp, doanh thu) so với quy mô nền kinh tế cho đến thời điểm hiện tại là nhỏ; (iii) đối với lĩnh vực TCCT và casino đến nay chỉ cho phép đối tượng khách hàng tham gia chơi là người có hộ chiếu nước ngoài nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam và không cho phép hoạt động kinh doanh trực tuyến; (iv) ngành nghề kinh doanh TCCT và casino tại Việt Nam được Chính phủ xếp vào nghành nghề kinh doanh có điều kiện, không khuyến khích phát triển; (v) Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á gần Macau và Singapore là hai quốc gia có hoạt động kinh doanh TCCT vàcasino phát triển nhất trong khu vực nên có thể những kẻ phạm tội sẽ lợi dụng lĩnh vực TCCT và casino tại những quốc gia này để rửa tiền thay vì lợi dụng lĩnh vực TCCT và casino tại Việt Nam.

Căn cứ vào những nội dung trên, mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực casino và TCCT và casino là TRUNG BÌNH.

## 2. Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản

Một số thách thức trong lĩnh vực này bao gồm: (i) Việc thanh toán tiền mặt đối với các giao dịch bất động sản tại Việt Nam hiện nay khá phổ biến và giao dịch tự phát không qua sàn giao dịch; (ii) số lượng giao dịch lớn và giá trị giao dịch cao; (iii) chưa có quy định, ràng buộc pháp luật về giao dịch giá trị lớn phải thực hiện qua hệ thống ngân hàng; (iv) hệ thống cập nhật thông tin khách hàng, kiểm tra thông tin nhận biết khách hàng đặc biệt là giao dịch bất động sản ngoài sàn giao dịch còn nhiều bất cập; (v) hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản đang được Bộ Xây dựng triển khai theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 không có quy định về thu thập thông tin nhận dạng khách hàng mua bất động sản là các chính trị gia và các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi đối với lĩnh vực bất động sản; (vi) Luật phòng, chống rửa tiền không yêu cầu chủ đầu tư dự án phải thực hiện và báo cáo công tác phòng, chống rửa tiền.

Đánh giá: Hoạt động rửa tiền thông qua bất động sản có thể là một trong những kênh đầu tư mà tội phạm rửa tiền dễ khai thác vì so với các thị trường khác thì đầu tư bất động sản tương đối thuận lợi và không có quá nhiều thủ tục ràng buộc khi tham gia thị trường.

Căn cứ vào những nội dung trên, mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực bất động sản là TRUNG BÌNH CAO.

## 3. Lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý

Một số thách thức trong lĩnh vực này bao gồm: (i) Giao dịch bằng tiền mặt trong lĩnh vực này diễn ra phổ biến và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giao dịch phát sinh; (ii) hạn chế trong nhận thức về công tác phòng, chống rửa tiền của lãnh đạo quản lý cấp cao và các nhân viên của doanh nghiệp; (iii) hiệu quả giám sát giao dịch, đối tượng và nguồn tiền giao dịch của bộ phận tuân thủ chưa cao; (iv) hệ thống thông tin để giám sát giao dịch của khách hàng và đối chiếu hồ sơ khách hàng còn hạn chế; (v) hoạt động buôn lậu vàng còn tồn tại.

Đánh giá: (i) Tính đến thời điểm hiện tại, NHNN chưa nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ nào liên quan đến lĩnh vực này; (ii) hầu hết các khách hàng đến mua kim loại quý, đá quý đều thực hiện việc khai báo thông tin cá nhân (tên, địa chỉ, số điện thoại) và các thông tin này được các doanh nghiệp kinh doanh kim loại quý đá quý lưu giữ; (iii) công tác thanh tra, giám sát về việc thực hiện quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền đối với lĩnh vực kinh doanh vàng miếng được quan tâm, chú trọng; (iv) chưa có thông tin về công tác thanh tra, giám sát về việc thực hiện quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền đối với lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý.

Từ những nội dung trên, mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực này là TRUNG BÌNH.

## 4. Lĩnh vực luật sư, công chứng viên và các chuyên gia pháp lý độc lập khác

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 3.700 tổ chức hành nghề luật sư với tổng số gần 11.800 luật sư hành nghề; 970 tổ chức hành nghề công chứng với tổng số 2.398 công chứng viên. Qua công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức, hoạt động của luật sư, công chứng những năm qua, Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp và Thanh tra Bộ) chưa phát hiện trường hợp nào khi thực hiện dịch vụ pháp lý, công chứng có liên quan đến giao dịch lớn, giao dịch có nghi ngờ rửa tiền.

## 5. Lĩnh vực kế toán, kiểm toán

Một số thách thức trong lĩnh vực này bao gồm: (i) cơ chế cập nhật, trao đổi thông tin trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán liên quan đến các loại tội phạm nguồn của tội rửa tiền và lĩnh vực kế toán, kiểm toán chưa thực sự hiệu quả; (ii) công tác tuyên truyền về phòng, chống rửa tiền đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này chưa được chú trọng; (iii) lực lượng cán bộ chuyên trách về phòng, chống rửa tiền còn ít và chưa được đào tạo chuyên sâu; (iv) các doanh nghiệp kế toán, kiểm toán chưa thực sự chủ động trong việc cập nhật thông tin về danh sách đen, danh sách quốc gia có rủi ro cao về rửa tiền; (v) Cục Phòng, chống rửa tiền chưa nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ hay báo cáo giao dịch có giá trị lớn nào từ lĩnh vực này.

Đánh giá: (i) Cá nhân hành nghề phải tuân thủ theo quy định về chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành về điều kiện hành nghề kế toán, kiểm toán; (ii) các hành vi vi phạm hành chính vể phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán thì xử phạt theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; (ii) chỉ có 2/250 doanh nghiệp thực hiện giao dịch quản lý tiền, chứng khoán hoặc tài sản khác cho khách hàng; (iii) hoạt động giao dịch tiền mặt thấp.

Mức độ tổn thương về rửa tiền trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán là THẤP.

## 6. Lĩnh vực tín thác và cung cấp dịch vụ công ty ở Việt Nam

Tín thác và dịch vụ công ty là đối tượng chịu sự điều chỉnh bởi Luật phòng, chống rửa tiền, bao gồm: Dịch vụ ủy thác đầu tư; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp cho bên thứ ba.

Hiện nay có 02 dạng quỹ hoạt động dưới hình thức ủy thác đầu tư gồm quỹ tín thác đầu tư bất động sản và quỹ tín thác đầu tư chứng khoán.

Hoạt động quản lý vốn và tài sản của quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư bất động sản phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát. Theo đó, ngân hàng giám sát có trách nhiệm quản lý quy định nội bộ xác định giá trị tài sản ròng, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ đầu tư bất động sản, được phép quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư và phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp có vi phạm (Chương 8. Quỹ đầu tư bất động sản của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Điểm 23 Điều 1 Nghị định Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán).

Về hoạt động dịch vụ công ty: Nhà cung cấp dịch vụ công ty tại Việt Nam là các công ty luật, công ty tư vấn thuế, công ty tư vấn hải quan.

Theo khảo sát đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực ủy thác và dịch vụ công ty cho thấy các doanh nghiệp có nhận thức nhất định về các quy định phòng, chống rửa tiền. Tuy nhiên họ chưa xây dựng quy trình nội bộ hoặc kiểm toán về việc tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền. Mặc dù vậy, các công ty mẹ của các công ty cung cấp dịch vụ tín thác thuộc đối tượng điều chỉnh và chịu sự giám sát theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

**PHẦN II. RỦI RO TÀI TRỢ KHỦNG BỐ**

Cho đến nay, Việt Nam chưa xảy ra khủng bố quốc tế và chưa phát hiện cơ sở, chân rết của các tổ chức khủng bố quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam đã phát hiện, ngăn chặn kịp thời một số âm mưu khủng bố do các phần tử khủng bố người Việt lưu vong ở nước ngoài tiến hành, điển hình là tổ chức khủng bố lưu vong với tên gọi “Việt Tân” (Bộ Công an đã đưa tổ chức Việt Tân vào danh sách tổ chức khủng bố theo quy định của Luật phòng, chống khủng bố, Nghị định số 122/2013/NĐ-CP trên cổng thông tin điện tử Bộ Công an).

Mức độ rủi ro về tài trợ khủng bố đối với Việt Nam được đánh giá là thấp dựa trên những cơ sở sau:

## 1. Phân tích nguy cơ tài trợ khủng bố

Nguy cơ tài trợ khủng bố ở Việt Nam là thấp bởi những lý do sau:

1.1. Chưa xảy ra khủng bố quốc tế ở Việt Nam.

Đến nay chưa xảy ra khủng bố do cá nhân, tổ chức khủng bố quốc tế thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Thực hiện Nghị quyết số 1267 của Liên hợp quốc, Bộ Công an đã cập nhật danh sách 2.300 cá nhân, tổ chức khủng bố quốc tế, 4.500 phôi hộ chiếu bị mất cắp có thể bị đối tượng khủng bố lợi dụng. Qua kiểm soát xuất nhập cảnh, Bộ Công an chưa phát hiện đối tượng khủng bố, nghi khủng bố quốc tế hoặc cá nhân sử dụng phôi hộ chiếu bị mất cắp nhập cảnh Việt Nam.

1.2. Chưa phát hiện vụ việc vận chuyển tiền, kim loại quý, vũ khí, vật liệu nổ liên quan đến khủng bố từ nước ngoài vào Việt Nam.

1.3. Chưa phát hiện vụ việc buôn bán, vận chuyển trái phép vũ khí, vật liệu nổ ở trong nước liên quan đến khủng bố.

Qua điều tra, Bộ Công an xác định không có vụ buôn bán, vận chuyển trái phép vũ khí, vật liệu nổ ở các địa phương liên quan đến khủng bố; động cơ, mục đích, hành vi vận chuyển trái phép vũ khí, vật liệu nổ của thủ phạm là để đánh bắt cá, khai thác khoáng sản trái phép…hoặc thực hiện hành vi phạm tội hình sự; nguồn gốc vũ khí, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh, trộm cắp, chiếm đoạt trái phép từ nước ngoài (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

1.4. Chưa xảy ra vụ cháy nổ liên quan đến khủng bố tại Việt Nam.

Qua điều tra, Bộ Công an xác định các vụ cháy, nổ tại Việt Nam là do tai nạn, sự cố gây mất an toàn, do tội phạm hình sự thực hiện với động cơ, mục đích cướp của, trả thù cá nhân…; không có vụ việc nào liên quan đến khủng bố.

1.5. Các đối tượng bị kết án khủng bố ở Việt Nam không có quan hệ với cá nhân, tổ chức khủng bố quốc tế.

Qua điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc xảy ra đối với tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84 Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009) và tội khủng bố (Điều 230a Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009) cho thấy động cơ, mục đích phạm tội của đối tượng nhằm lật đổ chính quyền nhân dân hoặc gây sự hoảng loạn trong công chúng; không phải là thành viên tổ chức khủng bố quốc tế hoặc có quan hệ với cá nhân, tổ chức khủng bố quốc tế hoặc nhận tài trợ khủng bố.

1.6. Các giao dịch tài chính không liên quan đến tài trợ khủng bố.

Căn cứ các báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ khủng bố do NHNN chuyển giao, Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan đã điều tra, xác minh và kết luận các khách hàng không có liên quan đến rửa tiền hay tài trợ khủng bố.

## 2. Mức độ tổn thương quốc gia về tài trợ khủng bố

Mức độ tổn thương quốc gia đối với tài trợ khủng bố ở Việt Nam là THẤP bởi những lý do sau:

2.1. Hệ thống pháp luật của Việt Nam coi trọng công tác phòng, chống tài trợ khủng bố.

Việt Nam đã tuân thủ nghiêm chỉnh, đầy đủ cam kết quốc tế về chống khủng bố và tài trợ khủng bố trong các điều ước quốc tế đã ký kết, tham gia. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật của Việt Nam về chống tài trợ khủng bố đã hoàn thiện, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế có liên quan, được các tổ chức quốc tế ghi nhận.

2.2. Bộ máy chỉ huy, chỉ đạo, tổ chức công tác phòng, chống tài trợ khủng bố thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Chính phủ Việt Nam đã thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, Bộ Công an là cơ quan thường trực; thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, NHNN là cơ quan thường trực.

Các bộ, ngành thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp bộ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh, Công an tỉnh là cơ quan thường trực. Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định pháp luật về chống tài trợ khủng bố trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình.

2.3. Xây dựng lực lượng chuyên trách phòng, chống tài trợ khủng bố.

Bộ Công an thành lập Cục Chống khủng bố, Công an 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Phòng Chống khủng bố. Đây là lực lượng chuyên trách của Bộ Công an có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ thông tin, báo cáo Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố có thẩm quyền; phối hợp lực lượng chức năng thuộc các bộ, ngành triển khai các biện pháp chống tài trợ khủng bố; trong trường hợp phát hiện tài trợ khủng bố đã, đang hoặc có căn cứ để cho rằng sẽ xảy ra thì áp dụng biện pháp khẩn cấp chống khủng bố theo quy định.

NHNN thành lập Cục Phòng, chống rửa tiền thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là lực lượng chuyên trách phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật và cam kết quốc tế về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

2.4. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tài trợ khủng bố không ngừng được mở rộng.

Bộ Công an Việt Nam là thành viên chính thức của Tổ chức Cảnh sát Hình sự quốc tế (INTERPOL), Tổ chức Cảnh sát các nước Đông Nam Á (ASEANPOL); có quan hệ hợp tác với cơ quan an ninh, tình báo, cảnh sát các nước về phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm khủng bố, tài trợ khủng bố nói riêng.

NHNN đã ký 09 Bản ghi nhớ trao đổi thông tin liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố với Đơn vị tình báo tài chính (FIU) nước ngoài, gồm Thái Lan, Lào, Campuchia, Indonesia, Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Bangladesh và Liên bang Nga. Liên quan đến việc trao đổi thông tin theo các Bản ghi nhớ trên, FIU Việt Nam (Cục Phòng, chống rửa tiền) đã có 5 yêu cầu FIU nước ngoài cung cấp thông tin và nhận được 37 yêu cầu cung cấp thông tin từ FIU nước ngoài.

Bộ Công an Việt Nam cũng đã phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành các khóa tập huấn, nâng cao nhận thức và kỹ năng điều tra chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

Mặc dù mức độ rủi ro về tài trợ khủng bố được đánh giá ở mức thấp nhưng Việt Nam sẽ tiếp tục hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế liên quan để thực hiện các cam kết quốc tế của mình trong lĩnh vực này.

**PHẦN III.** **RỦI RO RỬA TIỀN VÀ TÀI TRỢ KHỦNG BỐ**

**ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN**

Theo thống kê, hiện nay tỷ lệ người Việt Nam có tài khoản ngân hàng tăng cao. Tính đến cuối năm 2017, Việt Nam đã có hơn 69 triệu tài khoản cá nhân; số người dân trưởng thành có tài khoản tại ngân hàng ở mức khoảng 59%.

Hiện nay, tại Việt Nam các dịch vụ tài chính cho người nghèo chủ yếu gồm dịch vụ thanh toán, chuyển tiền, sản phẩm tín dụng vi mô, sản phẩm tiết kiệm vi mô, sản phẩm bảo hiểm vi mô. Qua đánh giá về rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố của các sản phẩm tài chính toàn diện nhận thấy rủi ro này hiện ở mức thấp, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sản phẩm** | **Rủi ro rửa tiền** | **Rủi ro tài trợ khủng bố** |
| Dịch vụ thanh toán và chuyển tiền | Dịch vụ Ví điện tử | Trung bình | Thấp |
| Dịch vụ thanh toán/chuyển tiền qua đại lý | Thấp | Thấp |
| Thẻ trả trước vô danh | Trung bình | Thấp |
| Tài khoản thanh toán  | Thấp | Thấp |
| Sản phẩm tín dụng vi mô | Thấp | Thấp |
| Sản phẩm tiết kiệm vi mô | Thấp | Thấp |
| Sản phẩm bảo hiểm vi mô | Thấp | Thấp |

## 1. Dịch vụ thanh toán và chuyển tiền

### 1.1. Dịch vụ Ví điện tử

Rủi ro rửa tiền đối với sản phẩm Ví điện tử hiện nay tại Việt Nam được đánh giá là TRUNG BÌNH, đối với tài trợ khủng bố được đánh giá là THẤP.

NHNN đã có quy định khá chặt chẽ đối với hoạt động phát hành Ví điện tử gồm quy định về cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân khi mở Ví điện tử, quy định việc nạp tiền vào Ví điện tử, rút tiền ra khỏi Ví điện tử của khách hàng phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng tại ngân hàng. Tổ chức phát hành Ví điện tử có trách nhiệm yêu cầu khách hàng phải có tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng trước khi sử dụng dịch vụ, quy định hạn mức nạp, rút tiền vào/từ Ví điện tử phụ thuộc vào hạn mức giao dịch của ngân hàng và được giám sát, theo dõi, báo cáo theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

Ngoài quy định cụ thể đối với hoạt động phát hành Ví điện tử nêu trên, các tổ chức phát hành Ví điện tử cũng phải tuân thủ theo các quy định chung của NHNN đối với dịch vụ trung gian thanh toán, các quy định của pháp luật hiện hành về phòng, chống rửa tiền và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan; thực hiện các yêu cầu đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng; an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử theo quy định của NHNN.

Một số thách thức được phát hiện tại các tổ chức phát hành Ví điện tử qua công tác kiểm tra thực tế gồm: (i) Một số hạn chế trong việc xác minh tính xác thực của thông tin; (ii) chưa thực hiện nghiêm túc quy định việc liên kết tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng.

Kể từ khi triển khai năm 2015 đến nay, NHNN chưa ghi nhận hay nhận được phản hồi chính thức nào liên quan đến gian lận hay giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố đối với dịch vụ Ví điện tử tại thị trường Việt Nam.

### 1.2. Dịch vụ thanh toán/chuyển tiền qua đại lý

Rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố đối với dịch vụ thanh toán, chuyển tiền qua đại lý được đánh giá là thấp.

Hiện nay, mô hình thanh toán, chuyền tiền qua đại lý tại Việt Nam mới trong giai đoạn thí điểm (03 mô hình) với sự theo dõi và giám sát chặt chẽ của NHNN nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, tạo niềm tin cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ. Việc định danh khách hàng khi đăng ký sử dụng dịch vụ và xác thực khách hàng khi thực hiện dịch vụ là rõ ràng, minh bạch do các đại lý thực hiện thông qua việc xuất trình giấy chứng minh nhân dân và mã xác thực gửi qua số điện thoại khách hàng đã đăng ký. Tuy nhiên, hạn chế của các mô hình này là đang được thực hiện trong khuôn khổ thí điểm, chưa có hành lang pháp lý cụ thể.

Trong quá trình triển khai thí điểm dịch vụ này cho đến nay, NHNN chưa nhận được phản hồi nào liên quan đến tình trạng gian lận hoặc phát hiện giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố đối với sản phẩm này.

### 1.3. Thẻ trả trước vô danh

Rủi ro rửa tiền đối với sản phẩm thẻ trả trước vô danh hiện nay tại Việt Nam được đánh giá là trung bình, đối với tài trợ khủng bố được đánh giá là thấp.

NHNN đã ban hành quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, ngoài những quy định chung cho tất cả các sản phẩm thẻ còn có các quy định riêng nhằm hạn chế rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố về thẻ trả trước vô danh, như số dư trên một thẻ trả trước vô danh tại mọi thời điểm không được quá 05 (năm) triệu đồng Việt Nam, chỉ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ và không được rút tiền mặt.

NHNN đã có quy định chặt chẽ về tổ chức được phép phát hành, hạn mức giao dịch cũng như việc định danh tổ chức đề nghị phát hành thẻ trả trước. Tại Việt Nam, chỉ là các ngân hàng mới được phát hành thẻ trả trước vô danh, các tổ chức không phải ngân hàng không được phép phát hành loại thẻ này.

Một số thách thức đối với thẻ trả trước vô danh gồm: (i) Không có giới hạn về số lần nạp tiền hoặc tổng hạn mức nạp trong khoảng thời gian nhất định; (ii) việc thỏa thuận số lượng phát hành thẻ sẽ khiến cho khả năng phát hành thẻ với số lượng lớn có thể bị lợi dụng và khó kiểm soát trong các hoạt động bất hợp pháp; (iii) một số ngân hàng nước ngoài còn thể hiện quan điểm không cung cấp các sản phẩm, dịch vụ vô danh và xếp loại các ngân hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ vô danh vào nhóm có nguy cơ rủi ro cao.

### 1.4. Tài khoản thanh toán

Rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố đối với tài khoản thanh toán tại Việt Nam được đánh giá là thấp.

Từ năm 2006 đến nay, Việt Nam đã triển khai nhiều giải pháp gia tăng số lượng tài khoản thanh toán, trong đó có triển khai việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương trong khu vực công. Đến nay, Việt Nam đã có tổng số khoảng 69 triệu tài khoản cá nhân; số người dân trưởng thành có tài khoản tại ngân hàng ở mức khoảng 59%. NHNN có định hướng phát triển thanh toán không dùng tiền mặt để đạt được một trong những mục tiêu là nâng tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng lên mức ít nhất 70% vào cuối năm 2020.

NHNN đã có quy định chặt chẽ về nhận biết và xác minh thông tin khách hàng bao gồm cả thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi khi mở tài khoản thanh toán và có công cụ theo dõi, giám sát các giao dịch đáng ngờ liên quan đến hoạt động của các tài khoản thanh toán.

## 2. Sản phẩm dịch vụ tín dụng vi mô

Rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố phát sinh từ sản phẩm này được đánh giá thấp.

Hiện nay, NHNN đã có các quy định chặt chẽ về điều kiện, thủ tục vay vốn. Mức vốn cho vay trong các chương trình tín dụng vi mô thường thấp, đối tượng được vay là các hộ gia đình nghèo, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ. Ngoài ra, các ngân hàng, các tổ chức cung cấp dịch vụ tín dụng đều phải tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền về nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng, báo cáo giao dịch đáng ngờ... trong quá trình thiết lập mối quan hệ với khách hàng. Đến nay chưa có ghi nhận hay nhận được bất cứ báo cáo giao dịch đáng ngờ, báo cáo gian lận hay tội phạm liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố khi thực hiện cho vay các chương trình tín dụng nêu trên.

## 3. Sản phẩm tiết kiệm vi mô

Rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố phát sinh đối với dịch vụ này được đánh giá là thấp.

NHNN đã có những quy định và yêu cầu chặt chẽ đối với cá nhân khi thực hiện giao dịch liên quan đến tiền gửi tiết kiệm như: quy định về độ tuổi, về năng lực hành vi dân sự, thủ tục cần phải thực hiện khi cá nhân gửi tiền tiết kiệm. Đồng thời, các ngân hàng, các tổ chức cung cấp dịch vụ tiết kiệm cũng phải tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền về nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng, báo cáo giao dịch đáng ngờ... khi cung cấp sản phẩm này. Đến nay, chưa có ghi nhận hay nhận được bất cứ phản hồi nào liên quan đến báo cáo giao dịch đáng ngờ, gian lận hay tội phạm liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố khi thực hiện dịch vụ tiết kiệm, huy động vốn.

## 4. Sản phẩm bảo hiểm vi mô

Tại Việt Nam hiện nay, chưa có khái niệm pháp lý trong các văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm vi mô và bảo hiểm cho khách hàng thu nhập thấp do các sản phẩm bảo hiểm được phân theo các loại hình bảo hiểm (nhân thọ và phi nhân thọ), chứ không theo phân đoạn thị trường.

Rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố đối với sản phẩm bảo hiểm vi mô hiện nay được đánh giá là thấp. Các sản phẩm bảo hiểm vi mô được thiết kế cho người nghèo, người có thu nhập thấp và có giá trị nhỏ. Khách hàng thường không có nhiều lựa chọn về giá trị giao dịch. Các giao dịch bảo hiểm vi mô có tính chất không thường xuyên, thường được tiến hành định kỳ theo quy định của nhà cung cấp sản phẩm. Thông tin khách hàng tham gia bảo hiểm vi mô rất khó làm giả, làm sai lệch hoặc bị từ chối cung cấp cho người bán bảo hiểm bởi các hợp đồng bảo hiểm nói chung quy định rất chặt chẽ về thông tin người mua bảo hiểm, người được bảo hiểm ...; ngoài ra, thông tin khách hàng còn là cơ sở để thanh toán quyền lợi bảo hiểm sau này, nếu không chính xác thì khách hàng cũng không thể thực hiện được giao dịch rút tiền.

Kể từ khi sản phẩm được đưa vào hoạt động đến nay, chưa có bất kỳ rủi ro, gian lận hoặc lạm dụng sản phầm này để rửa tiền, tài trợ khủng bố./.

1. 09 FSRBs gồm: Nhóm Châu Á Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG), Lực lượng đặc nhiệm tài chính vùng Caribe (CFATF), Nhóm chống rửa tiền Á Âu (EAG), Nhóm chống rửa tiền Đông và Nam Phi (ESAAMLG), Nhóm Chống rửa tiền Trung Phi (GABAC), Nhóm Chống rửa tiền vùng Latin America (GAFILAT), Nhóm Chống rửa tiền Tây Phi (GIABA), Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền Bắc và Trung Phi (MENAFATF), Nhóm chống rửa tiền Ủy ban Châu Âu (MONEYVAL). [↑](#footnote-ref-1)
2. APG là một tổ chức quốc tế tự trị và hợp tác được thành lập tại Băng cốc, Thái Lan năm 1997 bởi 13 thành viên sáng lập bao gồm : Úc, Băngladesh, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, New Zealand, Philipin, Singapore, Sri Lanka, Thái Lan, Mỹ, Vanatu. [↑](#footnote-ref-2)
3. Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (FATF) là một cơ quan liên chính phủ được thành lập vào năm 1989. Chức năng của FATF là đưa ra các chuẩn mực và thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả các biện pháp pháp lý, quản lý và hoạt động nhằm chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí và những hiểm họa có liên quan khác nhằm đe dọa sự thống nhất của hệ thống tài chính quốc tế. Trong sự phối hợp với những đối tác quốc tế khác, FATF xác định các mức độ rủi ro ở cấp độ quốc gia với mục đích bảo vệ hệ thống tài chính quốc tế khỏi bị lạm dụng. Tháng 02/2012, FATF đã sửa đổi 40+9 Khuyến nghị thành 40 Khuyến nghị mới được gọi là các chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và chống phổ biến vũ khí. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tội phạm nguồn của tội rửa tiền là hành vi phạm tội chính, tạo ra những đồng tiền mà khi đã được rửa thì sẽ dẫn tới hành vi phạm tội rửa tiền, ví dụ như tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội buôn bán, vận chuyển ma túy, tội tham nhũng… [↑](#footnote-ref-4)
5. Thời gian gần đây, TAND TP Hà Nội cũng đã tuyên phạt 06 đối tượng là người Trung Quốc vì tội “Kinh doanh trái phép”, theo đó, từ tháng 6/2014 đến khi bị triệt phá (ngày 2/2/2015), ổ nhóm tội phạm đã sử dụng danh nghĩa Công ty TNHH Đầu tư phát triển thương mại Minh Ngọc để thực hiện hàng nghìn lệnh chuyển tiền thông qua mạng Internet với tổng số tiền lên đến 240 triệu Nhân dân tệ, tương ứng với hơn 807,4 tỷ đồng. Trong đó, số giao dịch chuyển tiền đi thành công là khoảng 168 triệu Nhân dân tệ, ứng với hơn 565 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-5)